Năm thứ nhất — Số 16 Thứ sáu, 26 Septembre 1941

TRI TÂN

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA RA HẰNG TUẦN

TRONG SỐ NÀY :

Một áng thơ được Phan-thanh-Giản trân-trọng — *Cô Mộng-Tuyết*
Nghiên-cứu và bình-luận về thể thơ tự-do — *Lê-Thanh*
Đặng-đức-Siêu — *Bùi-văn-Lăng*
Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris (I) — *Yên-sơn-Tử*
Tại sao lại gọi là núi Cai-kinh — *Nhật-Nham*
Cây chaulmoogra không có ở Đông-dương — *Liên-Giang*
Nguyễn-văn-Chấn — *Nguyễn-Triệu*
Chiến-công một viên quản bị mai-một ngót chục năm trường ! — *Tiên-Đàm*
Chết vì miếng xương (góp vui) — *Sơn-Mai*
Cần phải truyền-bá khoa học bằng sách quốc văn — *Hoa-Bằng*
Hắc-Hải — *Nhật-Nham*

và nhiều bài khác nữa

REVUE CULTURELLE HEBDOMADAIRE

Giá báo : 1 năm 5$50 — 6 tháng 2$80 — 3 tháng 1$50
Các công sở : giá gấp đôi — **Mỗi số 12 xu**
TÒA BÁO ở số 195, phố Hàng Bông — Hanoi

Cần phải truyền bá khoa học bằng sách quốc văn

Công-việc ấy chúng tôi trông ở những nhà chuyên-môn trong các nhánh khoa-học

HOA-BẰNG

SAU khi bài «*Nên gây ngay lại khuynh-hướng và hiếu-thượng trong học-giới v êt-nam: trọng khoa-học*» (T. T số 13 trang 2, 3) ra mắt các bạn đọc thân-yêu, tôi thấy nhiều bạn tỏ ý tán thành và cho là hợp thời lắm. Ai cũng nhận rằng xưa nay người mình đã quá thờ-ơ với khoa học, quá chậm-trễ về khoa-học, nên ngày nay mới phải ăn cái ác quả của sự thiên trọng hư văn! Nhưng « muộn còn hơn không », ngay từ bây giờ, ta còn có thể hồi đầu tỉnh-ngộ, đem thực-học mà bổ cứu cho thời-tệ ấy.

Phải, trước giờ, từ khuynh-hướng đến hiếu-thượng, người mình thật đã nghiêng hẳn về mặt hư văn, chứ không biết chú-trọng đến thực học!

Ngó qua tủ kính các hàng sách, chỉ thấy nhan-nhản những tiểu-thuyết ngôn tình, những thơ mơ-mộng, những từ-chương phù-phiếm.. Còn các sách có tính cách khoa-học, ngoài một số ít thuộc loại sơ-đẳng ra, nào đâu đã có những sách cao-cấp khoa-học?

Nông-giới thiếu khoa học, nên người ta chỉ có cách cúng hoàng-trùng khi bị sâu keo cắn lúa, rước đảo vũ khi gặp đại-hạn tiêu-khô!

Công giới thiếu khoa-học, nên kỹ-nghệ không tự cấp cho xứ-sở được: từ cái bàn chải răng cho đến hộp thuốc đánh răng, không một thứ lặt-vặt gì là không trông ở ngoại-hóa. Nhất là từ khi tiếng bom ầm nổ ở Âu-châu, ngoại-hóa vừa khan, vừa khó vào, xứ này lại càng tỏ ra kém-cỏi về khoa-học, bất lực về kỹ-nghệ quá lắm.

Gia đình thiếu khoa-học, nên bịnh truyền-nhiễm rất dễ hoành-hành, độc gieo nọc giắc từ người nọ qua người kia, giết hại biết bao nhân-mạng, gây một hiểm-tượng cho giống nòi!

Học-giới thiếu khoa-học, nên sử-ký đầy những câu chuyện mê-tín hoang-đường, bút-chiến hay vượt ra ngoài luận-điểm, viện-dẫn bằng những lý-cớ hàm-hồ không đúng-chắc!

Nói tóm, chỉ vì người mình chưa khoa-học-hóa!

●

Từ ngày nho-học thoái vị, tây-học lên đóng vai chính, chương-trình nhà trường tuy cũng có dạy các môn khoa-học, nhưng từ bực cao tiểu trở lên, phổ-thông cũng như chuyên-khoa, các học-sinh đều phải học khoa-học bằng chữ pháp.

Học khoa-học bằng tiếng ngoại-quốc, lẽ tất nhiên, ngoài bài học ra, lại còn phải nạn nhớ chữ, nhớ tiếng nữa.

Vả ở xứ ta, hạng người có cái may-mắn được mài đũng quần trên ghế nhà trường lại chiếm cái số rất ít. Mà trong số ấy, sau khi tốt-nghiệp mấy ai đã đem cái sở-học về khoa-học mà giới-thiệu, mà truyền-bá cho đồng bào? Vì vậy, những người xung quanh họ — hạng người không được hạnh-phúc hưởng thụ giáo-dục như họ — vẫn phải giam-hãm trong vòng tối-tăm, không biết khoa-học là gì cả!

Một xã-hội nào, đại đa số còn chưa được hưởng-thụ giáo-dục phổ-thông, không biết khoa-học thường-thức, thì xã-hội ấy chưa thể gọi là tấn-tới được.

Một xã-hội nào, hạng tiên-tri, tiên-giác không chịu « giác » những người chưa biết, chưa hay, thì xã-hội ấy hãy còn có hạng người « trốn nợ » xã-hội.

Sao lại nói thế? Vì ai đã được phú-bẩm nhiều tài năng, thì phải nên đem cái « vốn » ấy mà « sinh lợi » ra, làm phúc cho những người lân cận, chứ nếu giấu tài, « chôn chữ » như mấy ông trọc-phú chôn của, không chịu « giác tha, độ tha », thì thật đắc tội với đồng bào lắm.

Vả, theo lẽ công-bằng trong xã-hội, hễ ai đã mắc nợ xã-hội nhiều thì nấy phải trả nợ xã-hội lắm. Được học trường công, được hưởng học-bổng, ấy là mắc nợ xã-hội đấy. Sau khi thành-tài, người mắc nợ ấy cần phải sòng-phẳng trả nợ xã-hội.

◆

Trả nợ xã-hội bằng cách nào đây? Nếu các ngài là những nhà khoa học chuyên môn, thì các ngài trước hết hãy bắt tay làm sách bằng quốc-văn để truyền-bá khoa-học.

Xem tiếp trang 23

Nghiên - cứu và bình-luận về thể

THƠ TỰ-DO

Lê-Thanh

Bài nghiên-cứu này tác-giả viết từ lâu, định dành in thành sách. Vừa rồi, trên báo Tiếng-Dân *và* Dân-báo *có cuộc bút chiến về «vấn-đề thơ cũ, thơ mới» giữa hai ông Phan Khôi và Huỳnh thúc-Kháng. (Coi D. B. ngày 26-6 41, 23-7-41, 24-7-41 và T. D. ngày 9-7-41, 6 8-41).*

Sau cuộc bút-chiến ấy, cũng như sau những cuộc bút-chiến trước, người ta vẫn chưa biết rõ Thơ tự-do — *hay là* Thơ mới *cũng vậy — là gì.*

Tri-Tân đăng bài này, mục đích để giải-thích về lối thơ tự-do, *cung cho các bạn đọc thân yêu một món nghiên-cứu và bình-luận.— T. T.*

Định nghĩa thơ tự do.

TRƯỚC khi nghiên-cứu và bình-luận về thơ tự-do, ta hãy định nghĩa hai tiếng « thơ tự-do » Thơ tự-do là gì ?. Thơ tự- do khác thơ cổ-thể thế nào ?

Mới đặt hai câu hỏi trên, ta tưởng như việc định nghĩa ấy rất dễ-dàng.

Thơ tự-do không cần số chữ nhất-định, không trọng luật bằng trắc, nhiều khi không cần vần nữa, tóm lại, một thể thơ làm ra hoàn-toàn theo tự-do của thi-sĩ.

Nếu giải như vậy thì thơ tự do là văn xuôi mất rồi, không ai còn phí công mà đặt cho nó một cái tên khác là « thơ » làm gì, và người ta cũng không dầu công nghiên cứu nữa.

Mà đó cũng là cái lầm chung của một số đông thi-sĩ mới của ta. Nói như vậy có người lại cho tôi có ý bôi nhọ những thi-sĩ ấy. Không. Tự nghĩ « trong vườn thơ, mình chỉ là một người đi hóng mát, về phê-bình thơ, mình chỉ là một tài-tử » tôi không tin tôi,có dịp gặp một nhà thơ là tôi dem câu chuyện thơ tự-do ra đàm - luận. Tôi đã nhận thấy rằng phần nhiều thi-sĩ ta cẩu-thả quá, chưa chịu nghiên - cứu để hiểu thế nào là thơ tự-do. cứ theo cái hình ngoài của thơ Pháp mà làm những bài thơ ta không nghĩa lý gì cả !

Quay về thời-kỳ mà « làng thơ là một nơi hỗn-độn, ở đó ai cũng muốn tự tôn mình là tao-đàn nguyên-súy » ta có thể nhặt được nhiều tài liệu quí báu cho ai khảo về sự tiến hóa của thơ ta sau này :

> L'importance de cette technique nouvelle, en dehors de la mise en valeur d'harmonies forcement negligees, sera de permettre à tout poète de concevoir en lui son vers, ou plutôt sa strophe originale et d'ecrire son rytime propre et individuel au lieu d'endosser un uniforme taillé d'avance et qui le réduit à n'être que l'élève de tel glorieux prédécesseur.
>
> D'ailleurs, employer les ressources de l'ancienne poétique reste souvent loisible Cette poétique possède sa valeur et la conserve en tant que cas particulier de la nouvelle comme celle ci est destinée à n'être plus tard qu'un cas particulier d'une poetique plus generale...
>
> *Gustave Kahn.*

Ông Thái-Phỉ trong báo *Tin Văn*, bằng một giọng gắt-gao, phê-bình các thi sĩ của ta : *« Xét về tinh-thần của thơ mới — xin hiểu là thơ tự-do — nói rằng làm thơ mới không bị bó-buộc,.. miễn là có vần thì thôi. »*

Ông Khái-Hưng, trong báo *Phong-Hóa*, bằng một giọng khôi hài đầy ý vị, tả bực thang mây của các nhà thơ tự-do. Ông tự hỏi : « làm thơ tự do dễ hay khó ? » Ông trả lời : « chỉ độ vài giờ thôi ». Rồi ông tiếp :

« Vì thế, kỳ báo này,
« tôi lại
« Viết một câu văn vui, đại khái
« Cũng hằng thơ mới
« Nói thơ tự-do thì có lẽ phải
« Hơn : vì cứ mỗi lần
« Gặp vần
« Là tôi tự-do xuống giòng, bất kỳ câu ngắn
« Hay dài, từ một đến mười hai chữ.
« Như thế hẳn
« Chẳng khó khăn gì
« Mà bỗng dưng mình lại trở nên một nhà thi-
« Sĩ. Rồi các nhà phê-bình sẽ
« Tìm ra những cái hay của mình và có lẽ
« Tôn đùa mình lên bậc thi hào
« Thì mình cũng đành nhận chứ biết sao ».

Khi trào-lưu thơ tự-do còn đang bồng-bột, một thi-sĩ lựa-chọn một ít bài in thành tập. Bài tựa tập thơ ấy đã gây nhiều dư-luận trái ngược nhau ; một cuộc bút chiến khá kịch-liệt giữa mấy nhà văn thường để ý đến những vấn đề văn-chương. Người ta đã tưởng sau cuộc bút - chiến ấy thế nào cũng được biết rõ về thơ mới hơn. Nhưng không ! Người ta không được biết thêm gì hết. Thơ mới vẫn ở trong một sự lông-bông vô định. Một điều lạ nhất là những thi-sĩ mới đã có tiếng ở xứ ta, vẫn lặng thinh trước cuộc bút-chiến trên địa-hạt thơ.

Trở lại với việc định nghĩa mấy tiếng thơ tự-do của chúng ta. Thơ cũ—hãy chỉ nói riêng về hình thức,—có thể chia làm hai loại : thơ *Đường* và thơ *cổ thể* (cổ-thể đây rộng nghĩa và khác với cổ-thể bên Tàu)

Thơ Đường là những thơ làm

theo luật có ở bên Tàu từ đời nhà Đường (618-906). Những luật về thơ ấy rất chặt-chẽ ; vì vậy từ trước đến nay thơ ấy đã được coi như một thể văn cao nhất trong văn-chương, chỉ dành riêng cho những bực trí-thức.

Chắc các bạn nhớ hết những luật ấy. Tôi chỉ cần nhắc lại những luật có ích cho sự bình luận sau này.

Trong thơ ngũ ngôn, tứ tuyệt hay bát cú, về thể bằng hay thể trắc, những tiếng *hai ba bốn năm* phải theo đúng luật bằng trắc ; tiếng thứ nhất có thể bằng hay trắc.

Trong thơ thất ngôn, tứ tuyệt hay bát cú, về thể bằng hay trắc, những tiếng *hai ba bốn năm* phải theo đúng luật bằng trắc, những tiếng còn lại có thể bằng hay trắc.

Hai sự « xuất qui » về thơ ấy tóm tắt trong hai câu : « *nhất bất luận, nhị tam ngũ phân-minh ; nhất tam bất luận, nhị tứ ngũ lục thất phân-minh* ». Trong thơ thất ngôn có người cho sự « xuất qui » ấy lan ra đến tiếng thứ năm nữa. *Nhất tam ngũ bất luận nhị tứ lục thất phân minh* ».

Thể thơ thứ hai, thơ cổ-thể, có những vần (vần hai, vần tứ vần lục bát, vần thất ngôn, vần song thất lục bát) vè, chuyện.

Về thể thơ này, cũng có sự bó buộc về vần và luật bằng trắc nhưng ta cũng vẫn có những sự xuất-qui. Vần lục bát, câu sáu : *Nhất, tam, ngũ bất luận, nhị tứ lục phân minh ;* câu tám : *nhất tam, ngũ, thất bất luận; nhị tứ lục phân minh* Những tiếng đứng về hàng lẻ có thể trắc hay bằng những tiếng đứng về hàng chẵn phải theo luật sau này : những tiếng *hai bốn sáu* phải một tiếng bằng cách một tiếng trắc, đến một tiếng bằng hay trái lại :

« Đêm khuya, thân gái, dặm trường,
« Phần e đường xá, phần thương dãi dầu »

1 2 3 4 5 6
(B) (T) (B)
1 2 3 4 5 6 7 8
(B) (T) (B)

Một giả thuyết :

Một sự nhận xét là vẫn theo luật chính. Biết lợi dụng những sự « xuất qui » và sự tự do về *thanh* người ta có thể sáng tạo ra được một điệu mình muốn, nhưng vẫn na ná giống điệu những bài đúng luật, cho bài thơ của mình. (1)

Sự nhận xét thứ hai can-hệ hơn ? Nếu người ta cho sự xuất-qui lan ra một tiếng khác trong những tiếng « phân-minh », thì câu thơ thất luật thật, nhưng không đổi mấy và có khi lại có một nhạc điệu rất quí nữa. Một thí-dụ : Ta hãy đọc hai câu Kiều kể trên và khi đọc ta chỉ để ý đến nhạc-điệu :

« Đêm khuya, thân gái, dặm trường,
« Phần e đường - xá, phần thương dãi-dầu ».

Bây giờ ta lại đọc lại, và cũng chỉ để ý đến nhạc-điệu, hai câu ấy đổi như sau này :

Đêm khuya, thân gái, dặm trường,
Phần e đường bằng, *phần thương* bằng *dầu.*

Nghe hai câu ta tưởng như tiếng « đục » của một giây tơ chùng.

Từ nhận-xét thứ nhất, với những sự xuất-qui về âm và thanh, thi-sĩ đi đến sự nhận xét thứ hai, với một sự giải-phóng nhỏ. Từ nhận-xét thứ hai, thi-sĩ có thể đi đến một cuộc cách-mệnh hoàn-toàn về âm-thanh, thi-sĩ không còn chịu đem bài thơ của mình đúc vào cái khuôn bằng trắc nữa.

Một thể thơ ra đời, tôi xin tạm gọi là thơ « *giải - phóng* » (vers libérés).

●

Thơ giải-phóng có thể có từ một tiếng đến mười hai tiếng (tôi sẽ nói tại sao) và hơn nữa cũng được. Nhưng tất cả những câu thơ trong một bài thơ cùng có một số tiếng bằng trắc đặt theo điệu mình lựa-chọn, không cần đối, vần ép cũng được.

Như tôi đã nói trên, từ câu thơ cũ hoàn-toàn đúng luật, người ta đã đi đến câu thơ giải-phóng. Theo biến-thể của nó, ta tưởng không có sự gì tự-nhiên bằng. Một nước có những nhân-tài đã sáng-tác ra những điệu thơ mới như *từ, khúc; ca-trù, song thất lục bát* mà lại không có ai dám táo-bạo tổ-chức sự giải-phóng cho thi-ca ấy hay sao ? Thế mà không. Tiền nhân ta không dám nghĩ đến công-việc ấy, bao nhiêu năm vẫn khư-khư đúc tư-tưởng của mình trong khuôn-sáo cũ, hoặc có nghĩ thì chỉ nghĩ thoảng qua ! Vì vậy những câu thơ không theo luật bằng trắc như câu :

« Một đèo, một đèo lại một đèo ».
(Xuân Hương)

chỉ coi là những sự kém trong nghệ-thuật, những câu thơ làm ép, hoặc làm ra vì nghịch mà thôi. Khi nghĩ đến nghệ-thuật một cách đứng-đắn, người ta lại phải trở về với khuôn-khổ cũ. (*Còn nữa*)

LÊ-THANH

---

1) Người ta phân biệt hai thứ tiếng bằng thượng bình, *những chữ không có dấu và* hạ bình *những tiếng có dấu huyền và ba thứ tiếng trắc, trắc thượng thanh (,) trắc khứ thanh (.?) trắc nhập-thanh, những tiếng tận cùng bằng những chữ c, ch, p, t,. Sự phân biệt ấy rất quan hệ một tiếng bằng hay trắc có thể là thượng-bình hay hạ-bình v.v..*

Cùng ông Tiêu-Liêu ở báo « Trung-Bắc »

Cây chaulmoogra không có ở Đông-dương

Liên-Giang

TRONG tuần báo *Trung-Bắc chủ nhật* số 76 ngày 31 Août 1941, ông Tiêu-Liêu có nói về một giống cây *chaulmoogra* mọc ra nhiều ở xứ Đông-dương mà một tờ báo bên tây tán-dương cái công dụng chữa bệnh hủi của thứ cây ấy, trách những nhà y-học ở xứ ta không biết lợi dụng nó.

Ông Tiêu-Liêu cho những lời phán-đoán ấy là thừa, bởi vì ông biết rằng cây *chaulmoogra* không có gì là lạ hết, người Pháp và người Nhật đã biết đem dùng cây đó trong y-học từ lâu rồi, mà chính họ đã đem cây ấy ứng dụng vào việc làm thuốc chữa bệnh phong-hủi vậy.

Ông lại nói vấn đề về cây *chaulmoogra* đem ra bàn luận được đã mấy tháng nay rồi mà mấy tờ báo y học ở nước ta vẫn chưa có bài đáp lại, vậy ông phải đương lấy cái trách nhiệm ấy.

Ông lại nói rằng người đông phương và tây phương thực chưa có phương-pháp gì thần hiệu để chữa bệnh phong cả. Cây và quả *chaulmoogra* ép ra làm dầu, người ta dùng làm thuốc trị bệnh phong ở ngay đây cũng đã lâu đời rồi. Người âu còn dùng nhiều thứ thuốc khác nữa và người á-đông lại khám-phá ra một thứ cây có quả *chaulmoogra* (?) Tầu gọi là *đại phong tử đu* nhưng cũng chưa thấy có kết-hiệu...

Thực ra, ông Tiêu-Liêu cũng chưa rõ cây chaulmoogra ấy là cây gì, mọc ở đâu, mà tiếng ta gọi nó là gì, chỉ biết Tàu gọi quả nó là *đại-phong tử* 大枫子

Theo chỗ chúng tôi tra xét thì cây *chaulmoogra* (ông Tiêu-Liêu viết lầm là *chaumooloxa*) ở Đông-dương không có. Ở Đông-dương chỉ có một thứ cây tương-tự như thế, mà nhà khoa học gọi nó là *hydnocarpus anthelmintica*. Trong Nam, người ta gọi là *chùm bao lớn*, bên Cao-mên gọi là *krabao phlé thom* Ngoài bắc ta họ gọi nó là hột móng chó. Ta gọi là hột móng chó, vì những hột đó sếp cạnh nhau, ép lại thành góc tựa như móng chó vậy. Ngay ở Hà-nội ở phía bờ hồ Hoàn-Kiếm trước cửa nhà máy điện trông sang cũng có độ rằm cây hột móng chó. Và ở vườn hoa hàng Đậu, người ta cũng trông thấy có.

Xét trong cuốn Catalogue des produits de l'Indochine (Tome V- Fascicule I) của Ch. Crévost và A Petelot, thì loài cây này mọc ở Nam-kỳ (Baria, Biên-hòa), ở Cao-mên (Sambor), ở Lào và ở Trung-kỳ. Người ta lại thấy nó mọc ở một vài nơi trong xứ Bắc kỳ. Ở thành-phố Hà-nội, các phố to, cũng thấy trồng. Hình như người ta đem giống vào trồng ở tỉnh-thành vậy.

Cây này quả nó to, thon trên, to hơn nắm tay. Hột nó có góc, độ 30, 40 viên ép vào nhau, dài 2 phân tây, rộng 1 phân tây, mỗi hột bọc một lần mạng, nhân ở trong rất nhiều chất dầu. Dầu của nó cũng có tính-chất như dầu của cây *Chaulmoogra* thực, tức là cây *taractogenos kurzu king* để chữa bệnh phong-ma và các bệnh ngoài da. Những hột của cây *đại phong tử* xứ ta cũng đại-để tương-tự như những hột của cây *chaulmoogra* chính-thức.

Sở Cứu-Tế ở Cao-mên hiện ngày nay đương trị bệnh phong-ma ở những trại hủi Takeo và Troeng (Kompong Cham) bằng thứ thuốc chế-hóa bởi chất dầu cây *krabao*. Xưa có một thầy mường Cao-mên tên là Pen, đã dùng thứ dầu cây này chữa bệnh hủi từ năm 1881.

Ở Cao-mên, có 2 thứ cây *karabao*. Thứ dùng để chữa bệnh phong gọi tên là *karabao phlélhom*, nghĩa là thứ cây *krabao* có quả to. Đem so với cây *hydnocarpus anthelmintica* ở nước ta, thì đích-thực là thứ cây mà người nam ta gọi là « chùm bao lớn ». Nó là một thứ cây cao độ 25 đến 30 thước tây, gốc cây ở ngay mặt đất trung-bình đo được 40 phân tây đến một thước 30 phân đường kính. Cây *krabao* có mọc ở chỗ đất mà tuần-tiết có nước chảy vào mới nẩy nở to ra được. Tháng Novembre và tháng Décembre có hoa, cuối tháng Juillet và đầu tháng Août thì có quả. Mỗi quả to có độ 120 hột. Có quả gần bằng quả dừa non. Hột nó màu hạt cau (1), hình khác nhau, và có cạnh vì những hột bị ép lại ở trong vỏ. Trong hột có nhân, ép nhân đó ra có dầu màu hổ-phách, mùi gây như mùi hạt dẻ, mà chất dầu lỏng hơn dầu olive. Thứ dầu này dùng để chữa bệnh hủi, có thể cũng có kết-quả như thứ dầu lấy ở quả cây *chaulmoogra* chính-thức.

Viên giám-đốc y-sư ở Vệ-sinh viện ở Cao-mên và viên hóa-học sư ở phòng thí-nghiệm Pnom Penh vừa mới chế ra được một thứ thuốc dầu cây *krabao* để tiêm cho những người mắc bệnh hủi.

Cách làm thuốc này cũng là bắt chước lối chế-hóa thứ dầu lấy ở cây *chaulmoogra* chính-thức ở Ấn-độ, Diến-điện và Java mà còn tinh-tế hơn. Cách chế lối mới này phải chích lấy những chất hoạt-động ở thứ quả ấy ra để có thể làm đủ các thứ thuốc chữa bệnh, như thuốc mỡ để bôi ngoài da, thuốc nước để uống và, mới nữa, như thuốc tiêm để tiêm vào da, theo như lối hiện hành bây giờ.

Phương-pháp chữa bằng dầu cây *krabao* như thế đã đem thí-nghiệm ở trại hủi Takeo và ở Kompong Cham cũng thấy có kết quả. Thứ thuốc chế ấy khiến cho bệnh-nhân ăn hơn lên và mạnh hơn lên Những chỗ da loét rộng và sâu, (2) thuốc ấy hành động được một cách công-hiệu; xưa nay chưa có thuốc nào

(1) Quả nó, khi mới bổ ra thì hột trắng. Để ra khi trời ít lâu thì sẫm nâu lại (L.G.)

(2) Từ năm 19 4 đến nay, vẫn có viên phòng thí nghiệm ở Cao-mên tuyên bố sự kết quả hoàn toàn của thứ thuốc dầu krabao này (L.G.)

được như thế. Nhưng cách chữa phải lâu, ít ra là hai ba năm, bền gan chuyên trị luôn luôn mới được.

Cách chế thuốc bằng dầu *krabao* trị bệnh phong - ma, đã có cơ thành tựu như vậy, nếu sau này sự kết-quả một ngày một mỹ-mãn thì chứng-bệnh khủng-khiếp này có hy-vọng là tiêu-vong. Xứ Cao-mên có rất nhiều giống cây *krabao*, nhà nước đã có lệnh cấm ngặt không ai được hạ cả. Xứ thuộc-địa Đông-dương từ nay có thể cung-cấp được thứ thuốc dầu ấy cho bất kỳ ở đâu hỏi xin, không cần phải yêu-cầu đến nước Anh và nước Mỹ, xưa nay chỉ có hai nước ấy là có bán thứ dầu gọi là dầu *chaulmoogra* mà thôi, mà thường thường lại là dầu giả hiệu.

●

Ấy đại-cương ở cuốn *Biểu mục những thổ-sản ở Đông-dương (Catalogue des produits de l'Indochine)* nói như vậy, thì ta biết rằng cây *chaulmoogra* chính-thức chỉ ở thuộc-địa nước Anh và đất nước Mỹ mới có. Đông-dương chẳng qua chỉ có một giống cây tương-tự như thế, hay nói cho đúng là một loài có họ với cây *chaulmoogra* kia mà thôi.

Sách *Bản thảo cương mục* của Lý-thời-Trân nói về hột *đại-phong tử* này, có cắt nghĩa rằng hạt này lấy tên là *đại-phong* là vì nó có tính-chất chữa chứng đại-phong (tức là bệnh hủi). Chỉ những nước Nam-phiên có nhiều.

Trong sách *Chân-lạp ký* của Chu-đạt-Quan cũng nói rằng *Đại-phong tử* là thứ quả ở một cây to, hình-dạng như quả dừa mà tròn hơn. Trong quả có độ vài mươi hột. Trong hột có nhân, sắc trắng, nếu để lâu, vàng úa lại, thì không dùng được.

Pho *Dược-vật sinh sản* của Trần-sơn-Nhân cũng chua rằng; *Đại-phong tử* sinh ở đất An-nam, Tiêm-la, Ấn-độ. Duy giống cây ở An-nam tốt hơn. Tháng năm, tháng sáu, có quả mới.

Xét trong *Bản thảo cương mục*, thì khí vị hột này có tính cay, nóng và có độc. Chủ trị: trừ độc sát trùng. Chữa ghẻ-lở, phong-ma, và giang-mai. Có tất cả năm sáu phương thuốc, dùng lẫn dầu này vào để chữa bệnh hủi, ghẻ, giang-mai và xích tỵ.

Trong *Thần-nông bản thảo* không có vị này. Chắc về sau, các y-gia tàu mới tìm thấy.

Pho *Hoàng Hán y học tùng thư*, chỗ bản thảo, vị này cũng nói qua-loa. Chắc y-gia nhật chưa nghiên-cứu được kỹ.

Lạ-lùng nhất là mấy pho sách thuốc an-nam, như cuốn *Nam dược thần hiệu*, của Tuệ Tĩnh và cuốn *Bản thảo* của Lãn Ông, không thấy chỗ nào nói đến vị này. Nó là thổ-sản của nước ta, mà các danh-y ta ngày xưa hình như vẫn chưa biết tới.

Tôi biết có mấy làng ở tỉnh Bắc-ninh, mấy năm xưa, vẫn làm nghề ép dầu hột móng chó làm thuốc ghẻ, theo cách cha truyền con nối, bán khắp các tỉnh, công-hiệu rất là hoàn-toàn. Nhưng từ ngày các thứ thuốc tây chữa ghẻ đem sang, có hương-vị hơn, thì thứ thuốc dầu đen, nấu bằng hột móng chó, bẩn-thỉu khó ngửi, dần dần mất kiến dụng ở nước nhà. LIÊN-GIANG

Ngắm xem nội hóa nước nhà,
đến chè NAM-LỘC mới là thanh hương!

Các quý khách thích uống nước chè
xin hỏi ngay chè **NAM-LỘC**

●

Bán tại:
Số 5, Phố Phúc-Kiến
HANOI

Nói qua về Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris

của AN-SƠN-TỬ

CHÍN năm qua. Giữa giời đông lạnh, mấy sinh-viên Việt-nam đương rét run cầm cập, tay kéo cổ áo lên để gạt những mảnh tuyết bay lợp-lợp, rồi dảo gót đi thẳng tới giảng-đài của *Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris.*

Hồi ấy trong Nam ngoài Bắc đã thấy vài tờ báo nói về người Việt-nam qua Pháp đọc bộ Luận-hành của Vương-Sung. Chúng tôi nhớ chừng như chỉ có ông Phan Khôi đã tốn công viết mấy bài rất có giá-trị để giới-thiệu. Song ông Phan Khôi chỉ giới thiệu một bạn ẩn-danh của ông (1) mà chưa từng cho độc-giả biết qua về *Cao-đẳng Hán-học viện.*

Năm 1926, nhân xem ở *Thái-bình-dương tạp-chí*, bài *l'Institut des hautes études chinoises de Paris* do ông A. Vissière, giáo-sư trường Đông-phương bác-ngữ (Ecole des langues orientales) soạn, chúng tôi mượn ít tài-liệu — mà chúng tôi nhận là đúng — để viết bài này (2).

Từ Thế-Xương với Ý-định lập Cao-đẳng Hán-học viện

Năm 1920, ông Paul Painlevé, nguyên thủ-tướng nội-các Pháp, có chân trong viện Hàn-lâm khoa-học Pháp, là một nhà bác-học kiêm chính-trị trứ danh, được thay mặt cho Đại-học viện chuyên-khoa (Sorbone) của Pháp, đưng đầu một phái-bộ nghiên-cứu về văn-hóa Đông-phương gồm có các danh-nhân đại-diện cho khoa-học-giới và văn-học-giới của Pháp như Ô. Ô. Germain Martin, Abel Bonnard, Joseph Nadal và Emile Borel cùng sang Tàu nghiên-cứu.

Tới Thượng-hải, phái-bộ ghé vào thăm ông Trương-cúc-Sinh, tổng-lý Thượng-vụ ấn-thư-quán. Sau khi đàm luận và coi qua nhà in, ông Painlevé ngỏ ý muốn mua một bộ Tứ-khố toàn-thư. Họ Trương mỉm cười và đáp lời thượng-khách : «Vì Tứ-khố toàn-thư nhiều quá, nên chúng tôi không dám nhận in, vậy ngài nên hỏi thẳng ông Từ thế-Xương ».

Thế là phái-bộ đi Bắc-kinh để gặp họ Từ. Ông này là một chính-khách học rộng, có danh-vọng và thế-lực rất lớn ở Tàu. Hồi còn triều-đình nhà Mãn-thanh, ông được triệu vào làm Quốc-vụ-khanh và Cung-trung giáo-tập. Năm 1918 Phùng-quốc-Chương chết ở Bắc-kinh, ông được bầu lên làm Thống-lĩnh thay Phùng.

Tới năm ấy (1920), tuy các yếu-nhân trong nội-các chỉ còn toàn những người của phái Trực-lệ (phái của bọn Tào-Côn) và của phái Mãn-châu (phái của bọn Trương-tác-Lâm) mà ông vẫn đủ uy-quyền để giữ vững ghế Thống-lĩnh chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc (3).

Họ Từ tiếp ông Painlevé rất niềm-nở và vui lòng tặng Đại-học viện chuyên-khoa của Pháp một bộ Tứ-khố toàn-thư tuy cả nước Tàu chỉ còn có ba bộ (4). Rồi họ Từ đưa ra một ý-định : lập Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris. Tán thành ngay, ông Painlevé hứa sẽ làm chủ-tịch ban quản-trị của Cao-đẳng Hán-học viện sau này và hưa hết sức vận-động cho viện chóng thành lập.

Ngày khai giảng của Cao-đẳng Hán-học viện

Thời-gian qua. Năm sau, Đại-học viện chuyên-khoa của Pháp đã thực hiện được ý định của họ Từ.

Ngày 13 Avril 1921 ở giảng-đài Richelieu trong Đại-học viện chuyên khoa của Pháp có một kỳ hội họp rất long-trọng do ông Honorat, tổng-trưởng bộ Học-chính Pháp hồi bấy giờ chủ-tịch và do ông tổng-trưởng bộ Ngoại-giao Tàu chứng-kiến để khai-giảng các lớp của Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris.

Viện thành lập từ ngày 22 Mars 1921. Pháp-qui của viện đã được Thẩm-chính viện công nhận và tuyên bố cho dân-chúng biết.

Buổi khai mạc, ông Painlevé, lấy danh-nghĩa là chủ-tịch ban quản-trị đứng lên nói qua về mục-đích của viện, nơi mà sau này sẽ thành chỗ căn cứ để sưu tầm theo nhận thức khoa-học tất cả những tài liệu về Viễn-đông và văn minh Trung-quốc. Rồi đến các diễn giả khác lần lượt nói tiếp. Hôm ấy người ta nhận thấy các ông : Đại-sứ Trung-hoa ở Paris, Appel, giám-đốc Đại-học, người cao tuổi hơn hết ở Đại-học văn-khoa ; Brunot, nhà văn-phạm trứ danh và Honorat, tổng-trưởng bộ Học-chính Pháp.

Sau khi diễn-giả cuối cùng dứt tiếng thì có chiếu bóng toàn «phim» rọi về phong cảnh, lâu đài và tàn tích của ấp Tu, làng Xương-bình, nước Lỗ tức là quê hương đức Khổng-tử (nay thuộc huyện Khúc-phụ, tỉnh Sơn-đông).

Cuộc hội họp kết thúc bằng mấy lời mở bài rất uyên-thâm của giáo-sư Marcel Granet giảng về văn-minh Trung-quốc và mấy bản đàn của giáo-sư Louis Laloy dạo rất tài tình để mọi người dự-thính được thưởng thức buổi đầu tiên.

Mục-đích và học-khóa của Cao-đẳng Hán-học viện

Trong bữa tiệc tiếp rước phái-bộ nghiên-cứu văn-hóa Đông-phương (5) do Tham nghị-viện và Dân nghị-viện của chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc thết vào tối hôm 20 Juin 1921, ông Lý-thành-Đô, nguyên viện trưởng Tham nghị-viện, lấy tư cách là người đã có chân trong phái-bộ Trung-hoa nghiên-cứu về chánh-trị và hành-chính của Âu-châu qua Pháp hồi tháng Avril 1906, nói với ông Painlevé mấy câu đại-khái như sau : « Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris thành-lập được một phần lớn do sự gắng sức của ngài (trỏ Painlevé), vậy nhân danh chính-phủ Trung-hoa dân-quốc, tôi thành-thực cảm ơn nước Pháp và ngài đã tìm cách thắt chặt hai nền đại-học Pháp-Hoa. »

Nhân đó, ông Painlevé muốn tỏ ý chỉ hàn chân là bước đầu tiên, còn phải tiến hóa nhiều, nên cất tiếng cảm-động, nói qua về mục-đích Cao-đẳng Hán-học viện : « Cái sáng-kiến của Thống-lĩnh Từ-thế-Xương cũng như cái thiện-ý của chung tôi khi lập Cao-đẳng Hán-học viện chỉ là nói cho nhân-loại biết rằng những cái cao-sâu của tinh túy hai văn-minh Đông-Tây không những cần thiết cho sự tiến-bộ của nhân-loại, mà còn cần thiết cho cả nền hòa-bình của thế-giới. Linh hồn của hai văn-minh Đông-Tây phải hiểu nhau và phải đi sâu vào nhau. »

Mục-đích tốt đẹp như thế, vậy học-khóa của Cao-đẳng Hán-học viện có những gì ? Theo ít tài-liệu mà chúng tôi lượm được thì có :

1 — Lớp giảng về văn-minh Trung-quốc do giáo-sư Marcel Granet đảm nhận, giảng từ tiền-sử cho đến Trung-quốc cận đại.

2. — Lớp giảng về Trung-hoa chính-trị cận đại do giáo-sư André Daboscq đảm nhận.

3.— Lớp giảng về âm-nhạc và mỹ-thuật Trung-quốc do giáo sư Laloy đảm nhận, giảng về âm-nhạc từ những đời Đào Đường, Hữu Ngu cho đến bây giờ.

4. — Lớp giảng về Trung-quốc y-khoa do giáo-sư Ly Yu-Ying, nhà cổ-học Tàu trứ-danh, đảm nhận.

Mấy giáo-sư này cùng làm việc dưới quyền giám-đốc và cố-vấn của ông Han Jou Ka, nhà thạc-học đã nổi tiếng ở Đông-phương, do chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc bổ dụng. Ông Kia, ngoài công việc của Cao-đẳng Hán-học viện ở Paris, còn có nhiệm-vụ phải sáng lập ra các tổ chức nghiên-cứu về những ngành học chuyên khoa của Đại-học viện Pháp.

Còn nữa

AN-SƠN-TỬ

(1) Chúng tôi phỏng đoán là ông Nguyễn Pho biệt-hiệu Quảng-văn-Tử, hiện ở Paris.

(2) Ngoài ra, chúng tôi còn nhờ anh P. v. H, cho ít tài-liệu vì anh này, sau khi tốt-nghiệp Cao-đẳng triết-học, có học ở Cao-đẳng Hán-học viện.

(3) Hồi ấy các lãnh-tụ miền Nam nước Tàu hết sức ủng-hộ Tôn-dật-Tiên do Trần quỳnh Minh triệu-tập, đã hội-họp ở Quảng-Đông và, ngày 1t Avril 1921, toàn thể nghị-viện đã bầu Tôn làm Thống-lĩnh Trung-hoa dân quốc miền Nam.

(4) Theo giáo-sư A. Vissière thì ông Painlevé được Từ thế Xương hứa cho 3 bộ nhưng xét ra không đúng vì vua Càng-Long tuy để lại 7 bộ (cả ở trong cung và các ngoại-trấn như Phụng-thiên, Hàng-châu, Dương-châu, Trấn-giang) nhưng sau mấy phen loạn Thái-bình Thiên-quốc, Quyền-phỉ Bắc-kinh thì mất hai bộ, cháy hai bộ, chỉ còn lại có ba bộ, trước để ở Phụng-thiên, sau đem cả về Bắc kinh. Còn lại có ba bộ, không nhẽ Từ thế Xương hứa cho cả ? Quả vậy, sau chính-phủ Trung-hoa dân-quốc miền Bắc chỉ tặng nước Pháp một bộ thủ-tả.

(5) Phái-bộ sang lần thứ hai, có ý lập thêm lớp Trung-hoa kinh-tế nhưng không thành.

Các gia-đình Việt-nam nên đón coi

Những chiến công oanh liệt của nhà Trần.

Những đoạn lịch sử vẻ vang của nước Việt nam

Sẽ đăng trong báo Tri Tân trong số đặc san Trần Hưng Đạo

Đặt mua ngay từ giờ *Sách của quốc-học thư-xã*

TẦM NGUYÊN TỪ-ĐIỂN

Tinh-hoa ngôi 100 bộ kinh, Chuyện, Sử, Tử, nhiều tài-liệu, điển-cổ, cần-thiết cho sự hiểu biết Quốc-văn và văn-chương Việt-hán, một bộ từ-điển phong-thú chưa từng có trong văn-khố Việt-nam, dầy 400 trang, có chua chữ Hán

giá : 2p 80

Giấy bouffant bảo hạng 3p 80— Giấy bouffant bìa vải chữ vàng 5p 00 (Loại sách quý đẹp này có đánh số và có chữ ký cùng lời đề-tặng của tác-giả, dành riêng cho các bạn đặt mua trả tiền trước, các hiệu sách không bán.

BÁN GẦN HẾT

QUỐC-SỬ ĐÍNH-NGOA *Giá 0p.50*

NGƯỜI LỊCH-THIỆP *Giá 0p 65*

Hai cuốn này được báo-giới trong nước nhiệt liệt hoan-nghênh, nên chỉ còn một số rất ít.

Thư và mandat mua sách gửi cho
M. LÊ-VĂN-HÒE
Giám đốc QUỐC HỌC THƯ-XÃ
16 bis, rue Tien Tsin — Hanoi

Cánh nhỏ, nước xanh, hương thơm hơn các thứ chè khác

CHÈ TRUNG-LƯƠNG

Kinh trình quy khách Bắc-trung-nam
Nội Hóa ta nay dã khéo làm
Cứ thử dùng qua rồi mấy rõ
Chớ lầm quýt nọ khổ thân cam.

II

Chớ lầm quýt nọ khổ thân cam
Lời nói mong sao đáng việc làm,
Ắt hẳn vàng kia đâu phải gánh
Lợi quyền gìn dữ lấy danh lam.

Chủ nhân :
PHẠM-VĂN-CƯỜNG
TRUNG-LƯƠNG
129, Rue Duvillier
HANOI

Một áng thơ được Phan Thanh-Giản trịnh-trọng :

DƯƠNG LIỄU TỪ của LÊ BÍCH NGÔ

Hà-tiên, MỘNG-TUYẾT kể và dịch

BÊN đầu cầu, dưới gốc thùy dương đang có một cảnh phân-ly của đôi bạn thâm-tình :

Một là chàng nho-sĩ ưu-ái đang nặng lòng với giang san, quân, quốc : Phan thanh-Giản quả-quyết ra đi.

Một là chàng dật-khách thanh-nhàn vẫn gửi tình với tuyền-thạch yên-hà : Lê Bích-Ngô ngậm-ngùi ở lại.

Sau khi bẻ liễu đưa nhau, một cảnh tặng biệt nên thơ có biết bao nhiêu tình-tứ và cảm-hoài, khi mà vó ngựa đã một bận qua cầu rồi thì người đi biền-biệt. Biền biệt ở nơi góc biển bên trời xa, mà kẻ ở lại tháng ngày vò-võ âm-thầm, buổi sớm buổi chiều chỉ những đợi chờ và mong-nhớ.

Gió sớm, trăng khuya, bàng-hoàng bên gốc liễu : những tiếng chim oanh ríu-rít, cánh hoa rơi rụng tơi-bời, tình cảnh ấy biết bao là nổi trù-trướng !

Niềm thương-nhớ đó thiết tha những thương-nhớ của bạn-bè Nó là lòng sầu-oán ái-hoài của người khuê phụ «*Hối giao phu tế mịch phong hầu*».

Hơn thế nữa, nó là nỗi đợi-chờ của nhành thùy dương bẻ còn sót lại mong-mỏi khí dương xuân ấm-áp trở về hàn-gắn vết thương xưa, do những biệt-ly-nhân, hôm nào đây, đã vô-tình bẻ cành đưa tặng cho nhau.

Nhưng mà, khách qua đường đó quả cũng là vô-tình lắm ! Một khi mà đắc-ý ra đi, chốn giang-nam chang phới ngựa rồi, thì đầu cầu vắng-vẻ mặc chồi liễu yếu bên đường buông lả mối tơ sầu.

Có những đêm khuya thanh-vắng, tiếng sáo nhà ai đưa lại những khúc « chiết liễu » não-nùng, khiến cho người thiếu phụ lạnh-lẽo khát-khao những ý xuân ấm-áp, tựa bên lầu ủ-rũ như một gốc liễu tương tư.

Lòng mong nhớ đợi chờ đó, Lê-bích-Ngô tiên-sinh đã thác ra lời cây dương-liễu gửi cho một hành-nhân : cụ Phan-thanh-Giản đang khi du-hoạn.

Những niềm biệt-ly êm-ái, những nỗi mong nhớ âm thầm, những ý trách móc nhẹ nhàng, tình tứ như một giai nhân hay chữ nũng nịu mát mẻ với người yêu ,

Dương-liễu-từ, mười bài tuyệt cú liên hoàn, cụ Lê viết trên bức lụa đưa cho bạn Lương-Khê.

Cụ Phan-lương-Khê, ông quan say việc nước, quên tình riêng, ông quan ưa thanh đạm và giản dị có tiếng đó, đã phải yêu thích món quà của bạn, trân trọng hơn bảo vật trên đời.

Tiếng liêm-khiết và thanh giản của cụ Phan đã được người đương thời truyền-tụng, còn truyền-tụng cho đến ngày nay.

Truyền rằng : Nơi ăn, chốn ở, chỗ nằm ngồi của cụ bao giờ cũng đơn đạm lắm, không hề có trang hoàng gì cả. Duy chỉ có bức lụa « Dương-liễu-từ » là luôn luôn treo ở chỗ tốt nhất trong thư trai.

Mỗi khi thuyên truyền, cụ Phan tự tay cuốn lại, phong gói, mang theo, rồi khi đến nơi, lại cũng tự tay mở ra, treo lên, quí mến không rời.

Dưới đây là nguyên văn bài « Dương-liễu-từ » và lời dịch nôm của Mộng-Tuyết :

楊柳詞

Dương liễu từ

斜倚東風伴夕陽
Tà ỷ đông phong bạn tịch-dương,
青青清影入池塘
Thanh-thanh thanh ảnh nhập trì-đường.
多情不與行人說
Đa-tình, bất dữ hành-nhân thuyết,
伴著流鶯說短長
Bạn trước lưu-oanh thuyết đoản trường.

短長情緒幾慇懃
Đoản trường tình-tự kỷ ân-cần.
夜月朝煙認未真
Dạ nguyệt, triêu yên, nhận vị chân.
珍重莫交行客手
Trân trọng mạc giao hành-khách thủ,
斷將分贈別離人
Đoạn tương phân tặng, biệt-ly nhân.

別離人最是無情
Biệt - ly nhân tối thi vô - tình :
得意江南馬上行
Đắc - ý Giang - nam, mã thượng hành.
漠漠橋頭誰是問
Mich - mich kều đầu, thùy thi vấn ?
也曾折處嫩枝生
Dã tằng chiết xứ nộn chi sinh

嫩枝生處露初乾
Nôn chi sinh xứ, lộ sơ can.
無力纖腰五夜寒
Vô lực tiêm yêu, ngủ da hàn !
獨立低徊愁不語
Độc lập đê - hồi, sầu bất ngữ,
垂眉終日待春還
Thùy mi, chung nhật đãi xuân hoàn.

春還春去幾時歸
Xuân hoàn, xuân khứ, kỷ thì qui ?
腸斷誰家玉笛吹
Trường đoan, thùy gia ngọc - địch xuy ?
嬝娜那堪風力捲
Niểu - ná na kham phong-lực quyển.
可憐春老有花時
Khả liên xuân lão hữu hoa thì !
花時輕薄幾人憐
Hoa thì, khinh - bạc kỷ nhân liên !
何日章臺續舊緣
Hà nhật Chương-đài tục cựu duyên ?
說得梅花還不解
Thuyết đắc mai hoa hoàn bất giải,
却含微意笑朝煙
Khước hàm vi ý tiếu triêu yên.

朝煙隱隱綠陰陰
Triêu yên ẩn - ẩn, lục âm - âm . . .
尽日蕭條著嫩金
Tân nhật tiêu - điều trước nôn kim.
少婦不知春意晚
Thiếu phụ bất tri xuân - ý noãn,
樓前不覺暗傷心
Lâu tiền, bất giác ám thương - tâm !

傷心多在杜鵑啼
Thương - tâm, đa tại đỗ - quyên đề,
飛去飛來恨未齊
Phi khứ, phi lai, hận vị tề . . .
昨日黃鶯聲未絕
Tạc nhật, hoàng oanh thanh vị tuyệt.
鶯鶯今又說長堤
Ý - nhi kim hựu thuyết trường - đê.

堤上金絲著地橋
Đê - thượng kim - ti trước địa - kiều.
年年贈別露痕消
Niên niên tặng biệt, lộ ngân tiêu.
也知多少行人意
Dã tri đa thiểu hành - nhân ý :
纔得新條厭舊條
Tài đắc tân điều, yếm cựu điều.

舊條新縷乱如蔴
Cựu điều, tân lũ loạn như ma !
尽日黃鸝機擲梭
Tân nhật hoàng anh cơ trịch thoa.
織就春城三月錦
Chức tựu xuân thành tam nguyệt cẩm ;
也應東主作香羅
Dã ưng Đông - chủ tác hương la.

Dịch nôm :

Phe phẩy đông-phong dưới ánh chiều,
Bờ ao, cành biếc bóng xiêu-xiêu.
Nặng tình, không gửi người qua lại,
Thỏ thẻ, con oanh nói ít nhiều.

Ít nhiều, bao xiết nỗi ân cần...
Khói sớm, trăng đêm, nét chập chân,
Trân-trọng chở chuyên tay khách lạ
Bẻ đem đưa tặng bạn dời chân.

Dời chân, khách cũng khéo thờ-ơ,
Ngựa phới Giang-nam, để đợi chờ,
Ngảnh lại đầu cầu, ai đó tá ?
Dấu xưa cành bẻ đã chồi tơ.

Chồi tơ, lóng lánh giọt sương trong.
Mưa gió năm canh những lạnh-lùng.
Đứng lăng, mày tơ buông ủ rũ
Tin xuân, chiều sớm luống chờ mong.

Chờ mong, xuân mấy độ đi qua,
Sáo ngọc nhà ai tiếng thiết tha ?
Mềm yếu-lả theo cơn gió lốc,
Thương thay hoa hở buổi xuân già !

Xuân già, ai tiếc cảnh hoa tàn !
Bao thuở Chương-đài duyên nối duyên ?
Câu chuyện hoa mai khôn tỏ được
Nỗi niềm sương khói dãi lan-lan.

Lan-lan sương khói bóng cành râm ;
Ngày đoạn, tơ non đã nẩy mầm.
Cô ấy biết đâu xuân ấm-áp,
Trước lầu bỗng gợi mối thương-tâm !

Thương tâm cái cuốc giục bên tai,
Nỗi hận chưa nguội khắc khoải hoài !
Vừa đó chim oanh còn vắng tiếng !
Ý-nhi rỉu rít hót bờ dài.

Bờ dài, tơ mắc dịp cầu thưa.
Ngấn móc tan, bao bận tiễn đưa...
Lòng khách qua đường ai cũng thế :
Vừa vin cành mới, bỏ cành xưa !

Cành xưa, tơ mới rối tơi bời !
Chiều sớm oanh vàng đưa chiếc thoi.
Tô điểm thành xuân hoa gấm dệt,
Lụa thơm đành để chúa xuân chơi.

◆

Đã có một lần, Mộng-Tuyết học người xưa, gây lò hương đượm, mài mực chép thơ « *Dương-liễu* » gởi cho người bạn ở vùng quê-hương của cụ Phan.

Văn-chương sau trước, mối hoài cảm nghìn xưa đâu có khác bây giờ; mà người con gái chốn buồng the vẫn cảm một mối cảm chung với người danh-sĩ.

« Khúc Dương-liễu tân-thanh » nay lại có, không như cổ-nhân riêng của một người nào, mà là của hết thảy những ai ai đã có một lần để cho cảnh biệt-ly xui lòng thổn thức, không ở một chốn tràng-đình, nhưng mà ở một bến đò, ở một quán rượu, ở một nhà ga hay ở những đâu đâu.

Khúc « Dương-liễu tân-thanh », vì thế mà nhờ mây gió bốn phương trời đưa đến cho những tâm-hồn phiêu-lãng say mê gió bụi giang-hồ, một bước ra đi không nghĩ đến ngày trở lại.

Cành nhược-liễu kia há chẳng từng than :
« Biệt ly nhân tối thị vô tình » !

Dương-liễu tân-thanh

« Dương-liễu » mười bài chép gửi anh,
Ly-hoài ai khéo gợi cho mình.
Bích-ngô âu cũng lòng thôn-nữ,
Chung với nghìn xưa một mối tình.

Bên đường, qua lại bao nhiêu khách,
Riêng bẻ cành xuân đưa tặng nhau.
Sung sướng, Giang-nam chàng phới ngựa,
Tháng ngày, bóng liễu rủ tơ sầu.

Lả-lướt đợi ngày xuân trở lại,
Ngày xuân trở lại hỏi bao ngày !
Năm canh lạnh lẽo kinh sương gió !
Ngùi-ngậm tàn xuân, hoa rụng đầy !

Nét mực vừa khô, lệ ướt đầm
Lời xưa thêm gợi mối thương tâm !
Biệt-ly còn bận đời danh-sĩ,
Huống khách buồng the, lúc biếng ngâm !

★

Các bạn nhớ đón xem

Tuần báo
Ngòi bút

Phê bình văn-chương, phê bình nhân-vật, phê bình ý-kiến, phê bình thời-sự, phê bình cảnh sống

TÒA SOẠN :

PHẠM-NHƯ-KHUÊ — TRƯƠNG-TỬU — NG. ĐÌNH-LẠP — ĐỒ-PHỒN — NGUYỄN-ĐỨC-QUỲNH — VI-HUYỀN-ĐẮC — CHU-THIÊN

HÀN-THUYÊN XUẤT-BẢN-CUC
in và phát hành

Số đầu sẽ ra vào thượng tuần tháng Octobre 1941
Ai muốn làm đại-lý xin gửi thư về :
ÔNG NGUYỄN-XUÂN-TÁI
53 — 71 — Phố Tiên Tsin — Hanoi

NGUYỄN VĂN CHẤN

1762 — 1842

NGUYỄN TRIỆU

CŨNG là người xứ-sở và bạn đồng-liêu với Nguyễn-văn Thắng (J. B — Chaigneau) Nguyễn-văn-Chấn người Pháp tên là Philippe Vannier ông cùng với nhiều người Pháp khác theo phò chúa Nguyễn Ánh tự ngày khởi-binh ở Gia-Định.

Trong họn những người nước Pháp sang phò chúa Nguyễn bấy giờ chỉ có J B — Chaigneau, Philippe Vannier là được ban quốc-tính họ Nguyễn và đặt tên ta còn kỳ dư như De Forçant thì ta gọi là *Lê-văn-Lăng*, Victor Olivier de Puymanel thì ta gọi là ông *Tín* Laurent Barisy là ông *Mân*. Ngoài đó ra không thấy sử sách chép đến những người Pháp khác tên tiếng ta là gì, sự nghiệp thế nào và gốc tích ra sao.

Những thủy quan Pháp phò chúa Nguyễn từ cuối thế-kỷ thứ 18 mà nay ta quen nhắc đến :

Dayot, *Trí lược hầu.*

Gérard de l'Isle Sellé. *Cai đội* (1) *Long-hưng-hầu*

Oliver de Puymanel *(Tín), Thần sách vệ ủy rồi khâm sai chưởng cơ.*

Le Brun *khâm sai Cai đội, Thạnh oai-hầu.*

Guillon *Phó cai-cai, Oai-dũng-hầu.*

Guilloux *Phó cai cai, Nhuệ-tài-hầu*

Manuel (*Mạn Hoè*) *An-hòa-hầu* (2)

Gibson *chất trực hầu.*

De Forcant *Lê-văn-Lăng* (3) *Chưởng cơ, Lăng-trực-hầu, quản tàu Bằng-phi*

Barisy (*Mân*) *cai đội, Thành-tín-hầu, quản tàu Loan-phi.*

Chaigneau (*Nguyễn văn Thắng*) *chưởng cơ, Thắng toán hầu, quản tàu Long phi.*

Vannier (*Nguyễn văn Chấn*) *chưởng cơ chấn võ hầu, quản tàu Phụng phi*

Trong Đại-Nam, chính biên liệt truyện sơ tập quyển 28, tờ 9 b chép nhầm mấy tên ta của Thắng và Chấn « *Đa đột tử danh Chấn, Ba-ni-ê tử danh Thắng*, quân tử Nguyễn thị ..

Nếu cứ theo *liệt truyện* thì Đa đột tức là Dayot, tên là Chấn và Ba-ni ê là Vannier tức là Thắng. Thế thì sai hẳn. Song căn cứ vào những bài khảo-cứu xác đáng của. M. A Salles và cố Cadière trong mấy tập B.A.V.H 1920, 1922 và 1923 thì đúng hơn và không còn hồ nghi gì nữa:

Đa-đột, tức Dayot, từ chức bỏ đi Áo môn từ năm Ất mão (1795) Manuel là Mạn Hoè đã tử tiết trong trận thủy chiến ở cửa Cần-giờ năm Nhâm dần (1782). Oliver là ông Tín phụng mạng đem tàu đi chữa ở Malacca, mất ngày 23 Mars 1799, kể đến ngày 9 Octobre năm ấy, đức thày Bá đa Lộc cũng bị bệnh rồi từ trần ở Qui nhơn, Các quan người Pháp đều nhớ nhà, chán nản, bỏ đi cả, chỉ còn lại ở Huế có bốn người : Laurent Barisy là ông Mân, De Forçant là Lê văn Lăng. J. B. Chaigneau là Nguyễn văn Thắng và Philippe Vannier là Nguyễn văn Chấn. Sau khi ông Mân và Lê văn Lăng mất, chỉ còn hai người pháp ở lại Nguyễn triều là Nguyễn-văn Thắng và Nguyễn văn-Chấn.

Philippe Vannier, sinh tại Loc mariaquer (Morbihan) bên Pháp ngày 6 Février 1762. Cha là Francois Vannier và mẹ là Vincente Joanis.

Năm 16 tuổi Philippe Vannier đăng vào Thủy quân (1778)

Khi đức thày Bá đa Lộc cùng Hoàng tử Cảnh ở Tây về, qua Pondichéry, thì Vannier đã có ở đấy rồi và đến năm Kỷ dậu (1789) mới tới đất Nam kỳ (6)

Khi mới tới phò giúp chúa Nguyễn Anh *Philippe* Vannier bắt đầu làm quản tàu Bông-*thủa* tàu *Donnai* rồi đến tàu *Phụng-phi.*

Nguyễn vương đặt tên cho là Chấn và ban cho quốc tính là họ Nguyễn. Ngày 27 Juin 1790, vương phong cho Vannier là Nguyễn văn Chấn chức *khâm sai thuộc-nội Cai cơ* quản tàu « Donnai » dưới quyền *Jean Mairie* Dayot.

Đến năm Gia-Long nguyên niên (1802) Nguyễn văn Chấn được thăng *Khâm sai chưởng cơ* Chấn võ hầu như đạo sắc sao ra đây (7). Mãi đến đời vua Minh-mệnh Nguyễn văn Chấn được phong gia nhất cấp và tước Chấn thanh hầu (8) sắc ngày 19 tháng 8 năm Minh mệnh thứ 5 là 11-10-1884.

Mấy trận đánh Thị Nại đều có Nguyễn văn Chấn, bấy giờ Chấn không coi tàu Donnai nữa và được bổ sang làm chúa tàu Phụng-phi có những 26 khẩu súng thần công và 300 thủy thủ.

Nguyễn văn Chấn và tàu phụng phi kể ra cũng đã lập được nhiều chiến công trong các trận thủy chiến với Tây sơn. Có một lần giao chiến với thủy-binh địch từ 10 giờ tối đến 10 giờ sáng sau làm cho thủy sư bên địch cháy tan tành không còn lại một chiếc thuyền nào cả !

敕中軍正管鳳飛銅艕欽差屬內該奇
阮文雲跨浪雄風凌波巨志風雲契從
龍之會遇巷有緣舟楫攄使馬之功涉
川攸利既彰偉績宜侈殊恩特准陞為
正管鳳飛銅艕欽差屬內掌奇雲武侯
戎務尚其勵有嚴有翼之能式共武服
奮如翰如彤之勢茂建戎功時命式欽
令名勿替欽哉故
敕
嘉隆元年十一月二十五日

Sắc Trung-quân Chánh quản Phượng phi đồng tàu, Khâm sai thuộc nội Cai cơ

Nguyễn-Chấn

Khóa lãng hùng phong, lăng ba hải. Phong vân khế tòng long chi hội, ngộ hạng hữu duyên ; chu lư sử mã chi công, thiệp xuyên du lợi. Ký chương vĩ tích, nghi xuất ân. Đặc chuẩn thăng vi Chánh quản Phượng-phi đồng tàu, Khâm sai thuộc nội Chưởng cơ, Chấn võ hầu, quản suất Nội tàu Phủ thủy nhất đội viên quân đang, thinh hậu Trung quân nhung Thượng kỳ lệ hữu nghiêm hữu dực chi năng, thức cung võ phục hữu như hãn, như phi chi thế, mậu kiến nhung công. Thì mệnh thức hữu, lệnh danh vật thế! Khâm tai. Cố sắc.

Gia-long nguyên niên, thập nguyệt, nhị thập ngũ nhật.

Những chiến công oanh liệt đó đều nhờ ở ba đại chiến thuyền bên Nguyễn là Long phi, Phụng phi và Bằng phi do ba thủy quan Pháp là Thắng toán Hầu Chaigneau (Nguyễn văn Thắng) Chấn võ hầu Vannier (Nguyễn văn Chấn) và Lăng trực hầu, De Forçant (Lê văn Lăng) điều khiển.

Tháng 5 năm Tân dậu (Juillet 1801) khắc phục thành Huế, rồi đức Thế Tổ sai Vannier và De Forçant ra án thủ cửa Hàn.

Trong khi bình thời vô sự. các việc võ bị không cần thiết lắm, nên ngày 16 tháng 9 năm Minh mạng thứ 5 (8 Octobre 1824) đức Thanh Tổ xuống chiếu cho hai ông quản tàu Long phi là Chaigneau tức Nguyễn văn Thắng và quản tàu Phụng phi là Vannier tức Nguyễn văn Chấn về trí-sĩ ở nguyên quán bên pháp.

Bấy giờ ông Thắng, chúa tàu Long và ông Chấn, chúa tàu Phụng bùi-ngùi bồng dắt thê nhi vào Đà-nẵng, chờ từ 17 Novembre đến 11 Décembre 1824, mới gặp được thuyền ta, đi Đồng-nai. Ngày 24 Décembre, tới Saigon, hai người lật-đật đi làm phận-sự cần nhất là tới viếng phần-mộ đức thày Bá Đa-Lộc (lăng Cha-cả).

Sau, được tin có chuyến tàu « *Courrier de la Paix* » sắp ghé Singapore lấy hành-khách về Tây, hai ông Vannier và Chaigneau ngày 21 Mars 1825, tất-tưởi phải thuê ghe buồm ta mà đi cho kịp để đáp tàu về cố-quốc.

Hôm 6 Septembre 1825, Vannier và Chaigneau về đến Bordeaux sau khi xa cách quê-hương 36 năm trường.

Philippe Vannier mất tại Lorient hồi 11 giờ sáng ngày 6 Juin 1842 ở số nhà 37, Rue du Port.

Phu-nhân là người ở Huế, tên *Madeleine* Nguyễn-thị-Sen, sinh hạ được 3 trai và 7 gái.

Năm Quý-hợi (1863), niên-hiệu Tự-Đức thứ 16, ông Phan-thanh-Giản phụng-mạng sang sứ bên Pháp, cũng có gặp vợ con Vannier ở Paris. Trong *hành-trình nhật-ký* có nói đến việc này (9) :

Buổi chiều ngày 23 tháng 8 là 5 Octobre 1863, có bà Nguyễn-thị-Sen là phu-nhân Nguyễn-văn-Chấn. chúa tàu Phụng, tới thăm sứ-bộ ở khách-sạn và đi cùng lệnh-ái là Marie từ Lorient tới và đã có thơ hẹn trước 10 hôm. Trong khi nói chuyện, phu-nhân rơi lụy mà thuật rằng: theo phu-quân về nước Pháp, đã 37 năm và tính tuổi (theo lối Tây) thì phu nhân 75 tuổi rưỡi. Phu nhân lại nói ông Chấn hẹn về Tây rồi lại sang nước Nam, song nay ông đã mất rồi, thế là tuyệt-vọng ! Phu-nhân nói có 3 giai và 7 gái. Marie 39 tuổi và đã có con giai lớn 17 tuổi đi học.

Đoạn, phu-nhân chắp tay cầu-nguyện cho Hoàng-gia và nói thêm rằng trong hai triều Gia-long và Minh-mạng, Hoàng-đế cũng có ban cho cả khăn lẫn áo.

Xem tiếp trang 14

1) Chức Cai-đội và Cai-cơ của ta ngày xưa là vào hàng thượng tướng, chứ không phải như cai, đội ta bây giờ.

2) Xem Tri-tân số 9 trang 16 17.

3) De Forçant (Lê văn Lăng), cũng có nơi chép trước là Lăng-đức hầu. Vợ là Hồ-thị-Nhơn chị em với Hồ thị Huề là bà Chaigneau Nguyễn văn Thắng. Sau Lê văn Lăng mất tại Huế năm 1809. Mộ ở Phả tú, nay hãy còn. De Forçant có 3 trai là Của, Vinh và Nhỏ.

4) Barisy tức ông Mân, ban đồng-liêu và lại là nhạc phụ Nguyễn văn Thắng Lĩnh chức cai-đội quản tàu Loan-phi, thường phụng mạng đi khắp từ Phi-luật-Tân, Malacca đến Ấn-độ chuyên bán gạo để đổi lấy súng đạn đem về cho chúa Nguyễn Sau mất tại Huế vào năm 1801.

5) Xem Tri-Tân số 13 và số 14.

6) B. E. F. E. O. tome XII. Documents relatifs à l'époque de Gia long par L. Cadière p. 67.

7) B.A.V.H. 1922 Planche LIII Document D.

8) — id — — LXI — L

9) Giá-Viên Biệt-tập của Phạm Phú Thứ quyển Nhị trang 19 và 21.

Hỡi Bạch-Đằng giang, nơi chiến-trận
Của nước Nam nhà tự thủa xưa!
Hỡi Bạch-Đằng giang, nơi Quốc-Tuấn
Đại phá quân Nguyên cắm ngọn cờ!

Đó là mấy câu trích trong bài «Sóng Bạch-Đằng», tả trận đại phá quân Nguyên mà thi-sĩ Minh-Tuyền sẽ cao giọng ngâm trong số đặc-san Trần hưng-Đạo...

Trong khi dùng trà, phu-nhân nói quê quán ở Phường-đúc, phụ thân là Nguyễn văn-Dõng và mấy người anh em ruột tên là Nguyễn văn Hương, Nguyễn văn Hữu, Nguyễn văn Tằng. Lại hỏi thăm các quan trong sứ-bộ có ai quen biết không..

Đến ngày 25 (7 Oct. 1863), nhân dịp lễ Van-tho khánh-tiết, các quan sứ-bộ đặt tiệc long-trọng ở sứ-quán, có cả Nguyễn-văn-Đức (Michel Đức Chaigneau), bà Vannier là Nguyễn-thị Sen, lệnh-lang là Nguyễn-văn-Lễ (51 tuổi, con ông Cả ấn) và lệnh-ái là Marie tới dự tiệc. Phu-nhân và lệnh-ái đều mặc quốc-phục: Khăn vành giây và áo thụng gấm Phu-nhân nói rằng khăn áo đó là do chính tay Hoàng-đế ban cho.

NGUYỄN TRIỆU

Hội Truyền-bá Quốc-ngữ

Nhân vụ khai giảng khóa học thứ bảy (mở ngày 8 Sept). Hội T. B. Q. N. nhận được của bà cụ thân sinh ra ông Đỗ Tuận một số tiền 100 p. và ông Trần duy Trinh ở Nam định 50 p. để mua giấy but cho học trò. Hội xin cảm tạ vô-cùng

Trong khóa này, số học trò của Hội tăng lên gấp hai khóa trước mà giá giấy, but, sách, vở thì càng ngày càng đắt hơn. Hội rất mong được các nhà từ tâm giúp cho, thì công việc của Hội mới chóng có kết quả.

H. T. B. Q. N. lai cảo

Chánh-trị và văn-chương

Cách mệnh Quốc-gia là kết quả sự « phản chủ-nghĩa Lãng-mạn »
(La Révolution Nationale, fruit de l'anti-romantisme)

TRONG báo Opinion 15-9, ông Valcourt có đăng một bài rất thâm-trầm nói về giây liên-lạc mật thiết ràng buộc Chánh-trị vào Văn-chương, và chứng tỏ rằng hiện thời, nền cách mệnh quốc-gia là kết quả sự « Phản chủ-nghĩa Lãng mạn » (anti-romantisme).

Những người tây học, chắc ai cũng biết rằng chủ nghĩa Lãng-Mạn của văn học Pháp, có nhà cự-phách V. Hugo cầm cờ tiên phong, đã nẩy-nở sau thời Cách-mệnh 1789, sau cái tối bất hủ đã diễn vở kịch Hernani.

Về đầu thế kỷ XVIII, cái lý tưởng cổ điển đã tàn tạ, lòng người — phái trí-thức — dương khát khao một sự đổi mới và đạp đổ những điều tin-tưởng tôn-sùng về thời đại-đế Louis XIV, tuy rằng đã băng từ 1715.

Sự-nghiệp văn chương, muốn biết hay dở, phải trải qua một sự chọn lọc lâu dài của thời gian Đến sau, cần đi nhắc lại, người ta nghiệm rằng những tác phẩm của phái Lãng mạn không thể ăn đứt phái Cổ-điển, cũng như ở bên Tầu, thời nhà Đường vẫn làm thầy cho các đời sau.

Bởi thế, nên vào hồi trước cuộc chiến tranh 39-40, do danh sĩ Charles Maurras đứng đầu, các nhà văn-học đã gây lên một phong-trào « phản Lãng mạn phái », đả đảo phái ấy ở chỗ « quá thiên về tình-cảm »! Khi Maurras, đã nêu rằng thông minh và ý-chí phải đặt lên trên tình cảm, phản đối phái Lãng mạn, là ông muốn bảo tồn nền-nếp cũ, và ông chỉ công nhận về đời vua Louis XIV, các danh nhân đã đạt tới sự tận thiện, tận mỹ về nghệ thuật, Chánh trị và Văn-chương.

Rồi đến văn nhân về phái Maurras đều quả quyết rằng tất cả những tác phẩm viết sau « Đại-thế-kỷ » (tức là thế kỷ XVII, đời Louis XIV) chỉ là một sử đồi bại về tinh-thần, chịu cái ảnh hưởng ác liệt của Đức. Tất cả các văn sĩ về thế kỷ XIX đều là những bệnh nhân từ V. Hugo tới Baudelaire.

Ta thử từ phương diện Văn chương dịch sang phương diện Chánh trị, thì ta có thể quyết rằng tôn chỉ của Maurras cũng là tôn-chỉ của Quốc gia Cách mệnh ngày nay, lấy sự sùng kính những nền nếp cổ hữu, lấy nguồn gốc của Chân lý và Oai quyền về tinh thần ở Tổ quốc, Gia đình, chớ không ở cá nhân ích kỷ và khuấy-rối.

Dưới đây, tôi trích dịch một đoạn, văn của Sainte Beuve từ năm 1858! : « Văn phái Lãng man có vẻ lo lắng, xạo sục, hiếu kỳ, lạng thang. Văn phái Cổ điển không hề than thở, rền rĩ, buồn rầu; đôi khi có nói đến thống khổ, nhưng vẻ đẹp vẫn đằm tĩnh, đáng phục ».

Ấy, Quốc gia Cách mệnh của nước Pháp đương cần một vẻ đẹp điềm tĩnh, nó là dấu hiệu của sự mạnh khỏe, trật tự, vững vàng. Quốc gia Cách mệnh là kết quả, là đứa con tốt đẹp của phong trào « phản phái Lãng mạn ».

TRÚC DỲNH

Về cuộc thi phóng sự do hội Phúc-thiện tổ chức

Cuộc thi phóng sự do hội Phúc Thiện tổ chức nhân dịp đi thăm các cơ quan bác tế tỉnh Thái bình đã kết liễu.

Các bài dự thi đã chấm xong, do một hội đồng có các ông *Nguyễn văn Tố* trường bác cổ, *Ngô bằng Dực* ở sở Đốc lý, *Lê đức Hoạt*, cử nhân tại Tòa án, *Tôn thất Bình*, chủ bút báo Patrie Annamite và *Dương tự Quán*, giám đốc báo Tri Tân, kết quả như sau giải nhất: ông Hà mai Anh, giáo học Nam định, — giải nhì: ông Lê Xuân Hanoi, — giải ba: ông Nguyễn văn Luận giáo học Nam định, — giải tư. ô. Lưu văn Dương, — giải năm: ông Đỗ đức Phúc

Đến 28 septembre này, hồi 10 giờ sáng, hội sẽ phát thưởng tại hội quán.

Hội Phúc thiện lai cảo

Hắc-hải với xứ Ukraine

TUYÊN-chiến với Nga-sô-Viết, Đức ôm một mục-đích là chiếm Smolensk để thẳng đường tiến đánh Mạc-tư-Khoa, còn một mặt tấn-công vào Léningrad để chinh-phục các nước miền duyên-hải Baltique.

Sau nhiều trận huyết-chiến trên các thị-trấn Minsk và Smolensk và sau cuộc tấn-công rất khó khăn vào Léningrad, Đức đem toàn-lực đại tấn-công vào xứ Ukraine là một đồng-bằng rộng rãi miền tây-nam Nga ước 447 000 cây số vuông, có nhiều đồng cỏ tiện cho việc chăn nuôi súc vật.

Hiện-thời, cuộc chiến-tranh đương hành-trướng tại miền Ukraine. Hai bên Nga, Đức cùng thiệt hại rất nhiều, nhưng Đức và đồng-minh đều thắng lợi. Lúc mới khởi cuộc tấn-công vào miền Ukraine bộ tư-lệnh Đức thông-cáo cho quân-đội nên dè dặt, để giảm sự tàn-phá, mục đích là sau khi xứ Ukraine được giải-phóng, nhân dân đã bị điêu-đứng về nạn chiến-tranh khỏi phải khó nhọc để kiến-thiết lại miền khói lửa vừa qua trên đống tro tàn.

Đức vẫn rắp tâm chia rẽ Nam-Nga và Bắc-Nga.

Mưu ấy không phải tới nay mới xuất-hiện. Từ năm 1854, xảy cuộc binh đao trên doi đất Crimée, Đức và Áo kết-liên, những mong chiếm miền Ukraine Lại thêm một nước thứ ba đồng-ý : Anh, khi ấy, ác-cảm với Nga, muốn đem miền Nam-Nga tặng Áo để thưởng lòng tốt của Áo đối với Anh trong cuộc chiến-tranh Crimée

Rồi vì gặp nhiều sự khó khăn, việc ấy bị chôn sâu dưới thời-gian, cho đến hồi Âu-chiến lại xuất-hiện. Trong khi chiến-đấu với đồng-minh, Áo và Đức hết sức bành-trướng ở miền Nam-Nga cái ý-kiến muốn lập riêng xứ Ukraine làm một nước độc-lập, mục-đích làm giảm thế-lực Nga hoàng.

Năm 1917, tại Pétrograd nổi lên phong-trào cách-mệnh. Một phái-bộ Đức tới Kiew âm-mưu khuyến-khích dân miền Ukraine tổ chức một đội quân quốc-gia. Rồi một nội-các thành-lập hồi juin 1917 : Cơ-quan của một Chính-phủ dân-chủ độc-lập tại Ukraine Nhưng đa-số dân Ukraine không hưởng ứng với cuộc cách-mệnh ấy, nên kết quả không được mỹ-mãn.

Sau khi hòa-ước Brest Litovek ký xong, một đội quân Anh vào chiếm thành Kiew Nhưng sau cuộc đình-chiến tại mặt trận tây, đội quân ấy phải rút-lui.

Rồi từ đó, Đức vẫn chú ý đến miền Ukraine là « vựa thóc » miền đông-nam nước Nga Cuộc tấn-công ngày nay của Đức cũng không ra ngoài cái mục-đích tối-cổ là tổ-chức một nước Ukraine độc-lập.

Đức nên tìm đường tấn-công qua Hắc-hải vào Crimée và Caucase.

Hắc-hải từ lâu vẫn là miền hẻo-lánh, êm lặng của Âu-châu, chưa từng bị một cuộc chiến-tranh nào làm nổi sóng. Một ít chiến-hạm cũ của Nga qua lại vững vàng không bề phải lo đến nạn giặc bể đuổi theo cướp phá Nếu Đức thắng trận một cách nhanh chóng hơn, chiếm ngay được xứ Ukraine thì vấn-đề Hắc-hải không có quan-hệ gì đến hiện-thời.

Các cường-quốc trong Trục đương tìm đường tấn-công vào miền duyên-hải Ukraine và doi đất Crimée

Theo hiệp-ước Montreux, miền eo bể (Détroits) giao cho Thổ cai-quản. Thổ rất vinh-hạnh được cái ủy-nhiệm ấy, vì đáng nhẽ một thế-kỷ trước Thổ đã được quyền ấy rồi Để đoạt cái quyền ấy, trước khi cuộc chiến tranh Nga-Đức kết-liễu, Bá-linh muốn tìm một phương-pháp êm-đềm khiến Thổ phải nhượng-bộ, không cần phải hỏi ý-kiến Anh.

Có tin bác-sĩ Clodius đương điều-đình với Chính-phủ Ankara để mở eo bể Dardanelles Lại có tin Đức-Bảo tập-trung quân-đội tại miền eo-bể Bảo, đồng-minh Đức, yêu-cầu Ý chưng cờ Bảo trên các chiến thuyền Ý, để qua eo-bể Derdanelles và vào Hắc-hải-Bảo lấy cớ là theo hiệp-ước Montreux, chiến-thuyền nước trung-lập có quyền xuất nhập trên Hắc-hải. Mưu ấy không công-hiệu, vì dù Bảo không dự chiến đánh Nga, Bảo cũng đã giao tranh với Tiệp-khắc và Hy-lạp. Mà Anh không khi nào để một nước khác phạm vào hiệp ước Montreux. Cho nên, qua eo-bể Dardanelles không phải việc dễ trong khoảnh khắc có thể thực hành được.

Vì vậy mà tình-thế miền eo-bể Hắc-hải vẫn nguyên-vẹn, dù theo tin từ Stamboul đưa lại, tuần-dương-hạm Nga trên Hắc hải đã có lệnh rời khỏi Sébastopol, còn ít chiến-thuyền Nga cũng từ-biệt doi đất Crimée.

Nếu một ngày không xa, mặt bể Hắc-hải sóng gió ầm-ầm, ta sẽ không lấy làm lạ khi thấy vấn-đề Hắc-hải trở nên quan-trọng trên trường quốc-tế.

Tương-lai sẽ cho ta biết những điều cần biết về cục-diện ..

NHẬT NHAM

Cải-chính

T. T. số 15 — Trang 3, cột 1, dòng 24 và c 2, d. 1: « Qua ha », sửa là « Qua *oa* »; tr. 5, c. 3, d. 27: « cái khám » sửa là « cái *khen* »; tr. 7, c. 3, d. 42. « từ tiêu », sửa là « từ *điêu* »; tr. 17, c. 1, d. 28: « lên người », sửa là « *tên* người ».

TIN VẮN HẰNG TUẦN

Quốc-tế

Đức ép Bảo tuyệt giao với Nga và sửa soạn để dự vào cuộc đánh Crimée sắp tới.

Ở Pháp, vẫn xảy nhiều việc bạo-động. Chính-phủ Pháp cố trừng-trị.

Thủy-quân Mỹ đang lùng bắt một tàu ô Đức ở phía nam Đại-tây-dương.

Bên Nhật hội Đông-á đứng lên phản đối việc Mỹ gửi chiến-cụ qua Vladivostock và hô hào dân Nhật trung-thành với hợp-ước Tam-cường.

Anh định đặt Aga Khan, vua bị ruật ngôi của A-phú-hãn, lên ngôi Ba-tư.

Đức báo hạ được thành Kiew (Nga) Chiến lược của Nga là bỏ miền Ukraine để giữ lấy mạc-tư-khoa, Léningrad và Caucase.

Léningrad vẫn vững. Quân Nga vẫn lợi quanh vùng Smolensk.

Anh phóng-tỏa Djibouti cố ý làm cho dân Pháp đói phải hàng.

Tình hình Viễn-đông càng ngày càng yên.

Thống-chế Pétain đã đi kinh-lý miền Savoie và khuyên dân miền chiếm đóng không nên nóng nảy, giúp việc trừ bạo-động để khỏi hại cho quốc-gia.

Anh nhường hết các chiến-cụ Mỹ giúp để gửi cho Nga.

Anh, Mỹ, Trung-hoa và Hà-lan chính thức lập một khối Kinh tế gọi là A B C D.

Đông-dương

Trường Khoa-học lập ở Hanoi do sắc lệnh ngày 26 Juillet 1941 sẽ mở trong tháng Octobre 1941.

1.) P. C. B. — Việc xin vào học ban P. C. B. vẫn y như thường lệ. Nhưng sẽ xét các học sinh về sức khỏe trong tháng đầu. Ban này sẽ mở ngày 1er Octobre

2.) Các bằng-cấp Cao-đẳng. — Những lớp mở năm 1941-1942 sẽ dậy để lấy những bằng cấp sau này:

Mathématiques générales, Mathématiques, Physique. Chimie. Sciences. Naturelles.

Những lớp trên sẽ mở vào tháng Octobre, ngày khai giảng sẽ định sau.

Khi nào xét sức khỏe của học sinh trong tháng đầu xong, học sinh sẽ được lấy vào học hẳn.

Một nhà báo Nhật phỏng vấn quan Toàn-quyền Decoux

« Chúng tôi nhận thấy sự khiêu khích về chính-trị và kinh-tế, của phe Anh, Mỹ, Tàu, Ấn-độ Hòa-lan đối với Đông-dương trong mấy tháng gần đây càng tăng lên. Chúng tôi xin được biết ý kiến ngài về việc ấy. »

Quan Toàn-Quyền trả lời: « Phủ Toàn-quyền không thấy có những cuộc khiêu khích riêng đối với Đông-dương trong mấy tháng nay. Nếu có những sự khiêu khích ấy thì phủ Toàn-quyền sẽ thi hành những phương pháp cần thiết theo hư huấn lệnh của Chánh-phủ Pháp. »

Hỏi: « Hiệp-ước Pháp-Nhật đã thi hành, vậy đối với tương lai kinh-tế của Đông-dương ý kiến ngài như thế nào? »

Trả lời: « Hiệp-ước kinh-tế Pháp-Nhật hiện nay chỉ thi hành một bên thôi, nghĩa là Đông-dương đã cung cấp cho Nhật các thứ hàng hóa đã định trong hiệp-ước.

« Trái lại việc cung cấp hàng hóa Nhật mà Đông-dương cần đang còn chậm và chưa đầy đủ. Khi nào hiệp-ước ấy đã thi hành triệt để mới có thể xét chân giá trị của nó ».

Câu hỏi thứ năm: « Chánh-phủ Nhật sắp phái sang một đại-sứ. Chúng tôi thiết tưởng Saigon phải là trung tâm điểm của tất các sự hoạt động về chính-trị và thương mại. Ngài có ý rời phủ Toàn quyền vào Saigon không? »

Trả lời: « Phủ Toàn quyền không định rời vào Saigon. Cái tổ chức hiện thời rất hợp với nhu cầu trong xứ ».

Câu hỏi thứ sáu: « Chúng tôi nhận thấy Đông dương muốn đi đến một cuộc phá giá tiền tệ, vậy có lẽ ngài đã thi hành những phương pháp cần thiết. Ví dụ có lẽ ngài đã cho in « bông » gọi là bông « phục hưng quốc gia ».

Trả lời: Ở « Đông-dương không có cuộc phá tiền tệ nếu Chánh-phủ Nhật giữ lời cam đoan về việc trả tiền các hàng hóa mua của Đông-dương ».

Từ kỳ sau, Tri-Tân sẽ bán lẻ 0$15 một số

Vì giá giấy, mực, và nhân công càng ngày càng cao nên bất đắc dĩ từ kỳ sau, chúng tôi phải định giá bán lẻ mỗi số lên 0$15, chứ không bán 0$12 như chúng tôi đã hi-sinh trong 4 tháng qua.

Đối với các bạn mua báo giài hạn, chúng tôi vẫn tính giá cũ nghĩa là vẫn 1 năm: 5$50 – 6 tháng 2$80 — 3 tháng 1$50

ĐẶNG-ĐỨC-SIÊU

(1750 — 1810)

LÀ người làng Phụng-can, huyện Bồng-sơn, phủ Hoài-nhân, tỉnh Bình-định, ông con nhà lương-thiện, theo phụ-thân ra học tại làng Xước-giụ, huyện Hương-trà, tỉnh Thừa-thiên (Huế).

Ông kết duyên Tần-Tấn với con gái nhà họ Nguyễn, là nàng Nguyễn-thị Ngữ Mười sáu tuổi, ông đỗ Hương-tiến (tức Cử-nhân)

Triều đức Duệ-tôn (1766-1777) ông làm quan trong viện Hàn lâm. Năm Giáp-ngọ (1774), lúc quân nhà Trịnh vào xâm, thì ông lui về ở Long-hồ, dạy học.

Lúc ấy, ông có làm những bài thi nhan đề là : *Thương-sơn tứ-hạo, Trương-Lương chùy, Tô-Võ tiết, Tự tỉ Quản, Nhạc* để tỏ chí mình. Ông Trần-nguyễn-Nhưng, quan nhà Trịnh, khen nức nở những áng văn chương kiệt-tác ấy; muốn dùng ông làm quan, nhưng ông tìm cớ thoái-khước.

Khi Nguyễn-Huê (1788-1792) đã đuổi quân Trịnh và thu phục Phú-xuân rồi, có vời ông ra làm quan; nhưng ông không muốn giúp, nên cáo bệnh mà từ chối.

Ông học-vấn uyên-thâm, văn-chương tao nhã. Hồi đại-định Bắc-hà xong, ông làm bài *Hồi-loan cửu khúc ca* bằng quốc âm, nay còn truyền tụng. Mấy bài văn tế ông Bá-đa-Lộc, ông Võ-Tánh và ông Ngô-tòng-Châu đều do tay ông soạn. Lời văn thống thiết, giọng văn hùng hồn, thật là những áng văn chương tuyệt diệu trong nền quốc âm ta. Chẳng những học rộng mà thôi, ông cũng còn lắm mưu mô, nhiều thao lược. Trong mấy năm bình định Tây-sơn, ông rất có công.

Xin tường thuật sau đây những huân công của ông.

Đức Thế-tổ ở Gia-định, nghe tiếng ông, vời vào bệ kiến, nhưng lúc bấy giờ đàng xá xa-xôi và khó khăn, nên ông không theo kịp.

Mùa đông năm Mậu-ngọ (1798) ông phải đi đường thủy vào Nam-kỳ. Ông Nguyễn-văn-Nhân đưa ông vào bệ-kiến đức Thế-tổ. Ông bèn dâng mưu kế đánh Tây-sơn. Vua ban khen rằng : « Quả nhân nghe tiếng khanh đã lâu, mà nay khanh mới đến ! » Đức Thế-tổ giao cho ông chức giám-quân, để kiêm quản việc binh cả trong ngoài, nhưng ông thoái thác vì ông mới đến, sơ quân sĩ không phục, ông xin giữ chức Hàn-lâm cũ.

Đức Thế-tổ dạy rằng : « Chức Hàn-lâm nhỏ, không xứng với địa-vị trọng yếu của khanh » Ngài cho ông làm chức Trung-quân tham-mưu. Từ đó ngày đêm ông chăm lo chức vụ mình. Đức Thế-tổ trọng ông lắm ; còn phần ông Siêu thì cúc cung tận tụy để đáp ơn tri-ngộ.

Năm Kỷ-vị (1799), ông theo ngài ra đánh thành Qui-nhơn. Danh từ tỉnh Bình-định có từ năm ấy. Ông hiệp với ông Ngô-tùng-Châu, lựa binh, chia làm năm đạo ngự lâm.

Có người tâu lên đức Thế-tổ xin đanh thuế thân dân thành Bình-định. Ông Siêu dâng mật sớ tâu rằng : « Trong binh thư có nói : được lòng dân yên mến thì mạnh ; bị dân ghét thì phải đổ. Xưa các vua hiền lam nhân chính để cứu dân, thì khắp cả nhân dân thiên hạ ai nấy đều vui lòng qui phục ngay như Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Huệ không có chỗ đất cắm dùi, mà cũng chiêu mộ được hàng vạn binh, trong năm sau năm trời lập nên nghiệp lớn, không phải là họ tài cán hơn người đâu, chỉ tại lòng dân ghét bỏ họ Trịnh đó thôi. Vả lại, tùy theo cơ hội mà làm, trị dân trong cơn loạn lạc không giống như lúc bình thường. Xưa vua Hiến-tôn nhà Đường rất tiết kiệm, ăn mặc khiêm tốn, thế mà khi Ngụy-Bắc không theo vương hóa, ngài phải bỏ của kho ra để chuộc hết những bốn vạn quan tiền. Lại như vua Nghệ-tôn nhà Tống không lãng phí một đồng tiền nào, nhưng khi chuộc lại châu U và châu Yên, ngài cũng chịu bỏ tiền ra hàng triệu. Xứ Qui-nhơn này chịu ba mươi năm loạn lạc, sinh-linh đồ khổ, mong nước thanh bình và khao khát được đấng anh quân ra cứu thế. Xin Bệ-hạ đừng danh thuế thân kẻo dân sanh lòng oán.

Từ năm Thái-đức (niên hiệu Nguyễn văn-Nhạc, 1778 1893) đến năm Cảnh-thịnh (niên hiệu Nguyễn quang-Toản, 1793-1802), nhân dân tỉnh Qui-nhơn phải đi lính, nên được miễn thuế thân. Nếu nay Bệ-hạ cứ tính hết nhân-số mà đánh thuế thì chẳng qua thâu được ba vạn quan tiền mỗi năm. Nhưng vì cái tiểu lợi đó, Bệ-hạ sẽ phải thiệt hại nhiều vì giặc ở trước mặt đó, nhân dân theo giặc dễ như trở bàn tay. Tôi còn nhớ chuyện ông Chiêu-võ-hầu Nguyễn-hữu-Dật lấy được bảy huyện tỉnh Nghệ-an, cai trị bảy năm, dân tỉnh đều cảm phục. Sau vì danh thuế để nuôi binh lính mà nhân dân ta-oán. Chúa Trịnh nhân đó mới đánh đuổi ông ấy được. Xe trước đã đổ, xe sau phải giữ gìn. Nay Nhà-vua nên tha thuế thân cho nhân-dân,

chỉ tuyển lấy binh lính mà thôi. Lấy quân nhân-nghĩa, thắng lũ hung-tan là đủ »

Tờ sớ của ông dâng lên, đức Thế-tổ lấy làm bằng lòng và bãi bỏ việc bản đánh thuế.

Năm Canh-thân (1800), thành Qui-nhơn bị vây, ông theo đức Cao-Hoàng đi trận. Khi thuyền ngự đâu cửa Phú-yên, quân-sĩ trong thuyen phần nhiều bị đau. Còn cửa Thi-nại có thủy-binh Tây-sơn đong, nên thuyền ngự không tiến được Đức Cao-Hoàng định cho quân-sĩ lên bộ. Ông Siêu tâu rằng: «Nếu quân lính lên bộ, bên địch nghe biết, chắc đến đánh lấy chiến thuyền ta. Xin Bệ-hạ dụng thủy-chiến vì nay đương mùa hè, có gió nồm, ta nhân ban đêm, thuận gió, dùng kế hỏa công, thì chắc được thắng trận ».

Đức Thế-Tổ y theo, rồi sai ông Lê văn-Duyệt ra đốt thuyền địch, được thắng trận

Ông Siêu và ông Trần-văn-Trạc tâu vua : « Bên địch dồn binh lính vây thành Bình-định, thì nơi sào huyệt của họ tất là rỗng không Chúng ta thừa hư ra đánh lấy nơi sào huyệt bỏ trống ấy thì vòng vây ở chỗ thành côi này không đánh cũng tự tan được. Vả lại, hạ-thần biết rõ địa thế thành Phú-xuân. Xin chia binh làm hai đạo một đạo ra đánh cửa Tư-hiền, một đạo ra đánh cửa Nại hải, chắc là toàn thắng».

Ông Nguyễn-văn-Thành khen khéo dụng binh và nói ấy là kế « thừa hư » Lúc đó, ông Võ-Tánh bị vây trong thành Qui-nhơn, cũng xin đức Cao Hoàng ra lấy thành Phú-xuân. Ngài bằng lòng

Tháng năm năm Tân dậu (1801), nhà Nguyễn thâu phục được thành Phú xuân và đuổi được quân của Nguyễn-quang-Toản ra Bắc Lúc nay, đức Cao-Hoàng thăng ông Siêu lên giữ Lễ-bộ. Cố từ không được, ông phải nhận chức.

Năm Nhâm-tuất (1802), đức Cao-Hoàng định đem binh ra đánh Bắc-thành. Ông Siêu và Trần-văn-Trạc tâu : «Vua Chiêu-thống (1787-1789) nhà Lê bôn bá qua Tàu, xứ Bắc-hà về tay Tây-sơn, nhà Lê không ai giúp phục nghiệp, thế đủ biết nhà Lê không thể lại dấy lên được nữa. Nay Bệ-hạ lấy đất Bắc-hà, là lấy của Tây-sơn, chứ không lấy của nhà Lê. Vả lại, cử binh làm việc nhân việc nghĩa, phải có danh-nghĩa mới được. Nếu cứ còn dùng niên-hiệu nhà Lê, e dân gian xứ Bắc-thành cho rằng nhà vua mượn danh-nghĩa phù Lê mà làm việc. Chi bằng nay Nhà-vua lên ngôi hoàng-đế, dổi lại niên-hiệu, thanh minh nghĩa cả cho thiên hạ biết, thì sự được nước mới là chính đáng, nhân-tâm mới dễ thâu phục ». Đức Cao-Hoàng nghe theo, lấy hiệu Gia-long và báo cáo cho thần dân biết. Ngài khôi phục được toàn xứ Bắc-hà và lê-dân đều tùng phục.

Ban đầu các điển-lễ triều-đình cùng các lễ-nghi tế Giao, tế Miếu, tế Xã-tắc phần nhiều do ông soạn định.

Đức Cao-Hoàng sủng nhiệm ông lắm.

Năm Gia-long thứ hai (1803), ông được sung làm phủng-sách sứ, khi tôn bà nguyên-phi họ Tống lên ngôi Vương-hậu.

Qua năm thứ tư (1805), ông làm chức phụ đạo Đông-cung. Đức Thánh-tổ Nhân Hoàng-đế (Minh-mạng : 1820-1840) nhờ ông mà thành đấng anh-quân.

Năm Gia long thứ sáu (1807), ông kiêm chức Khâm-thiên-giám. Cũng năm ấy, ông làm quyển *Thiên-nam thế-hệ*, là sử chép thế-hệ từ đời Triệu-Tổ (Nguyễn-Kim : 1529-1545) đến đời Hiếu-định (Nguyễn-phúc-Thuần : 1765-1775). Lại truy nguyên lên tận trên từ đời đức Hoàng-quốc-Công, Trừng-quốc-Công, để tỏ gốc tích đức Triệu-tổ là ra từ đó. Sau lại chép đến đức Hiếu-Khương để tỏ đó là hoàng-khảo đức Gia-long. Trong khoảng hơn hai trăm năm, nào thế-hệ, nào công-nghiệp, nào ngày đản (ngày sinh), nào ngày kỵ và phương-hướng các lăng miếu đều ghi chép một cách đầy đủ.

Năm Gia-long thứ tám (1809) có lập ra Lục-bộ Ông Siêu được làm Lễ-bộ thượng-thư.

Năm Gia-long thứ chín (1810), ông mất trong khi đang làm quan, thọ 60 tuổi, được truy-phong chức Tham-chánh Đức Cao-Hoàng có ban gấm vóc để khâm liệm và cắt bốn tên phu coi giữ phần mộ ông.

Ông là người học rộng, thích ngâm vịnh, có đức hạng tiết-tháo. Thật là một nhân vật đáng tôn-trọng ở triều Nguyễn. Trong ba chục năm loạn lạc, ông giữ tròn được danh-tiết Khi trung-hưng, ông coi việc lễ nghi và lo dạy Thái-tử.

Đức Minh-mạng trị vì được sáu năm, nhớ công ơn giáo-hóa, ngài truyền cho bộ Lễ rằng : « Đặng-đức-Siêu là người sĩ quân-tử, vâng lệnh đức Thế-Tổ mà dạy trẫm, đáng truy phong Thiếu-sư Hiệp-tá đại-học-sĩ và nên lập đền tế ông »

Năm Tự-đức thứ năm (1852), ông được liệt vào miếu Trung Hưng công thần. Phu nhân là bà Nguyễn-thị-Ngữ được đứng vào hàng liệt nữ. Con là Đặng-đức-Thiệm làm Tổng-đốc Hải-dương Còn anh là Nguyễn-đức-Huy rất sở trường văn thơ quốc âm, làm Đốc-học tỉnh Bình-định, về đầu niên hiệu Gia-long, đến đời Minh mệnh có được thưởng bạc và đồ tệ bạch do nhà vua ban cho các bực thọ quan (1).

BÙI VĂN-LĂNG

(1) Tài-liệu bài này phần nhiều căn cứ ở sách *Đại-Nam chính biên Liệt truyện sơ tập*, quyển 10, tờ 3-9.

Tại sao lại gọi là núi Cai-Kinh (thuộc Bắc-giang)?

NHẬT-NHAM

Cai-kinh là một dãy núi thuộc tỉnh Bắc-giang, có nhiều ngọn núi đá cao tới 500 thước tây, khởi từ phía bắc sông Thương, rồi chạy sang địa hạt Lạng-sơn. Núi xếp từng hàng tựa như các bức trường-thành bao-bọc những thung-lũng hẹp và sâu. Dãy núi Cai-kinh chạy từ đông-bắc đến đông-nam, giữa đường có nhiều đoạn khúc-khuỷu đi quanh nhiều khu-vực địa-thế khác nhau. Các khu này bình-thản, có chất phù-sa. Nhờ địa-chất, cây-cối mọc thành rừng, phong-cảnh rất đẹp!

Mặt nam và mặt đông, núi cao bích-lập, trên ngọn cây cối xanh-rì.

Mặt bắc và mặt tây, tuy có nhiều đoạn hình răng cưa, nhưng vẫn kéo dài và liên-tiếp với các đoạn sau, chứ không đứt quãng.

Về phía tây-nam, núi Cai-kinh xòe ra như cái tán, phân ra nhiều chi chạy xuống sông Thương và chi-lưu sông ấy là sông Sỏi.

Cảnh-trí núi Cai-kinh thực là u-nhã. Các nhà du-lịch Pháp đã ví vùng này như phong-cảnh Thụy-sĩ: núi cao cao ngất lưng trời, rừng xanh xanh biếc ngàn mây, tiếng suối reo róc-rách, lòng nước trong veo, lại thêm bộc-bố trắng phau phau ầm-ầm từ trên cao đổ xuống!

Những ai lên xứ Lạng, khi xe hỏa qua miền Thanh-muội chắc đã thưởng-thức cái xảo-diệu của Hóa-công đã an-bài ra một giải núi trùng-trùng điệp điệp.

Ấy chính trong miền sơn-cước này, dưới triều Tự-Đức, hai anh em Vũ-văn-Kinh và Vũ-văn-Cương từ Thanh-hóa đã di-cư đến làng Thuốc-sơn, châu Hữu-lũng (Bắc giang), rồi ít lâu nổi tiếng hùng-trưởng, chiếm-cứ một phương. Hai anh em thu-phục thổ-dân rồi làm chủ quyền gồm hai làng Đường-yên và Giàng-thường gọi là quyền Cai-kinh.

Sau Vũ-văn-Kinh làm Cai-tổng, nên gọi là Cai Kinh. Cai Kinh, rất nhiều thủ-hạ, lại có đủ dũng lược, hùng-cứ riêng một sơn-hà. Kế đến em Cai Kinh làm Cai-tổng tức là Cai-Cương. Cai-Cương cũng rất hào-hùng, không kém gì anh. Một lần vua Tầu cho tải súng đạn sang giúp vua ta. Đoàn áp-tải đi qua quyền Cai-Kinh, bị Cai-Cương đem thủ-hạ ra đánh úp và cướp mất cả. Quân Tầu chốn về Tầu, cáo với quan nhà Thanh. Quan Tầu xin quan ta truy-nã Cai-Cương. Cai-Cương bị bắt giao cho quan Tầu. Quan Tầu bắt trả lại hết súng đạn, tha chết, nhưng cắt hai tai để làm răn.

Kịp đến khi vua Hàm-Nghi đi lánh nạn thì Cai-Kinh đã lập đồn ở Phố-Toóng (châu Hữu-lũng).

Đoàn hộ-giá từ Lào về tới Văn-bàn, rồi thẳng tiến lên miền Cao-bằng.

Quan quân đóng trong thành Cao-bằng, thấy đại-binh đến gần, tưởng là quân địch, bèn bắn ra một phát đại-bác, nhưng không chết một người nào.

Tôn-thất Thuyết giận lắm, thúc binh sĩ nhảy vào trong thành, bắt trói các quan trong thành, sai chém tất cả.

Vua Hàm-nghi hét lên can rằng: « Hoàng-thúc không nhớ câu: *Quân trung văn tướng-quân lệnh, bất văn thiên tử chiếu*? Một phần lỗi tại hoàng thúc. Trước mấy hôm, sao hoàng thúc không hạ chiếu cho chúng biết »?

Vua truyền tha cả. Nhưng bấy giờ đao-phủ đã chém mất quan Tuần-phủ Cao-bằng rồi.

Nhà vua chú-tất ở Cao-bằng mấy hôm, hoàng-thúc Tôn-thất Thuyết sai rước loan-giá về Phố-toóng tức là đồn Cai kinh là một nơi hiểm yếu.

Cai Kinh tích trữ lương thực rất nhiều, đủ cung tiếp đoàn hộ giá. Làng Đường-yên sản gạo trâu, bò, lợn, gà nộp cho Cai Kinh.

Vua Hàm-Nghi đến Phố-toóng được ít lâu, có thám-tử phi báo: độ 1000 người tây theo đường Bắc-lệ lên đánh.

Vua hội các quan để bàn phương-pháp đề-phòng. Tất cả các quan triều-thần và các đạo binh thầy đều lo sợ. Sau Cai Kinh tiến lên, tâu rằng: « Việc này, xin cử Thống-Luận là người đã am-hiểu địa-thế và có đủ dũng-lược »

Tôn-Thất-Thuyết bèn giao cho Thống-Luận 500 quân ra ngoài thành cự địch.

Cai-Kinh bảo Thống-Luận: « Ông đương làm tiểu tướng mà nhất đan lên cầm quyền chủ-súy, nếu không có sắc-lệnh của Thiên tử thì hiệu lệnh sao được các quan! »

Thống-Luận nghe nhời, trở vào thành tâu vua. Vua cho là phải, bèn ban cho một lá cờ lệnh và một thanh bảo-kiếm.

Thống-Luận lĩnh mệnh, ra ngoài thành bầy trận ở Suối-Dọc thuộc địa phận tổng Chi-Quan. Suối này cạn, thành một

con đường độc đao ở giữa hai bên rừng rậm, núi cao. Thống Luận sai quân dẫn một cây to để nằm ngang suối, còn quân cho mai-phục hai bên.

Sáng hôm sau binh Pháp tới chỗ ấy, mắc cây không đi được, hậu-quân dần dần tụ cả lại.

Liệu chừng quân Pháp đã kéo hết cả vào trong suối rồi, Thống Luận bèn ra lệnh cho quân bản bộ hai bên bắn xuống. Trận này binh Pháp vì không am hiểu địa-thế, nên bất lợi.

Vua phong Thống-Luận làm Chánh-Đô-đốc.

Sau lại có thám-tử về báo: ước 5000 quân Pháp do đường Bỏ-hạ kéo đến.

Vua sai Thống-Luận đem 500 quân đi án ngữ ở đồn Khôn-lâu trên bờ sông Rong.

Thống-Luận sai lấy bao nhồi cát, lập mạn thượng-lưu con sông ấy lại và vót chông cắm trong bãi cỏ tranh gần đấy. Binh Pháp đi tới thấy nước nông, kéo nhau lội sang cắm trại ở một bãi không khoáng, gác súng nấu nướng ăn Đương khi họ ăn uống, Thống-Luận hô quân ra đánh. Binh Pháp trong lúc không đề phòng, bỏ cả lương thực khí giới, chạy vào rừng cỏ tranh, vấp phải chông, bị thương rất nhiều, Đến khi qua sông, bao cát đã lôi lên hết, nên nước mạn thượng lưu kéo về, người ngựa thiệt hại không phải là ít.

Thống-Luận được phong chức Thông-xuất ngũ - quân Đề-đốc.

Vì ở đồn Phố - toóng không được yên ổn, nên sau hai tháng, vua truyền các quan hộ-giá lên Cao-bằng, vào nhờ chúa Bảo-Lạc, song lại sang châu Quy-thuận thuộc tỉnh Quảng-tây bên Tầu.

Ấy cũng nhờ địa-thế hiểm trở, lại nhân đoàn hộ-giá vua Hàm Nghi ẩn tránh ở đồn của Cai kinh, rồi giao chiến vài trận oanh liệt, mà giải núi trong có quyên của Cai Kinh được nhận cái tên núi Cai Kinh, rồi từ mấy chục năm gần đây, ta vẫn công nhận Cai Kinh là một tên tướng hùng cứ một phương Nhưng sự thực Cai Kinh chỉ là người cho đoàn hộ giá vua Hàm - Nghi mượn quyên làm sào-huyệt, là người cung cấp quân-nhu, chiến mã cho đoàn hộ-giá trong khi vua ngự tại đó, rồi nhờ mấy trận mà Cai Kinh được tên ghi vào g ải núi đá trùng-trùng điệp-điệp của miền Giang - Bắc !

Trong khi thu dụng các thủ hạ, Cai Kinh thường giết bố rồi lại dùng con, giết anh rồi lại dùng em, thành ra nuôi ong tay áo, nên bị đầy tớ em dâu (vợ Cai Cương) ám - sát. Khi đó, Cai Cương cũng đã bị thủ - hạ là Đề Cỏn giết chết.

Giòng giõi hai anh em Cai Kinh tới nay không còn người nào.

Duy cái tên Cai Kinh vẫn cùng non sông trường tồn.

NHẬT-NHAM

« THÂN-THẾ VÀ SỰ-NGHIỆP THỐNG - CHẾ PÉTAIN »

của BÙI-ĐÌNH-SAN

là một tác-phẩm rất ích cho người đọc

GIÁ : 0$14

Thống-chế PÉTAIN đã nói

Đã nhiều khi ta lấy làm buồn mà nhận ra rằng những ý định của chính-phủ bị một cuộc truyền truyền nham hiểm làm sai hẳn mất ý nghĩa đi, có khi những sự quyết định đầy công nghiên cứu của chính phủ không sao thành hiệu được, vì một số quá đông viên chức thừa hành không chịu làm việc, hoặc bất tài không làm nổi, hoặc phản bội. Những sự bất lực đó, sự phản bội đó sẽ bị truy tố và trừng phạt.

Mảnh sử-liệu

Chiến - công một viên quản bị mai-một ngót chục năm trường

Năm Quí-mùi (1883) đời Tự đức thứ 36, một đám giặc cỏ nổi lên đóng ở Thụy-lôi (Phúc-yên), cướp phá các vùng lân cận. Quan Lãnh-binh Bắc-ninh là Cù Thản (người làng Đông-viên, tỉnh Sơn-tây) đem binh đến đánh, ông bị giặc vây hãm rất là nguy hiểm.

Quan Tổng-đốc Bắc-ninh là Trương đăng-Đản lại sai quản cơ là Nguyễn đình-Viễn đem quân sang cứu-viện.

Ông Viễn giàn binh giao chiến bắn một lúc giết luôn được 13 tên giặc. Nhờ thế, quân giặc rút lui, giải được vây cho quan lãnh binh. Trong trận này, quân Triều đình lại bắt được nhiều gươm giáo, súng đạn của giặc.

Thế mà quan Tổng-đốc là Trương-đăng-Đản và quan Án sát là Tôn-thất-Loan tỉnh Bắc Ninh làm sớ về kinh chỉ cho là việc nhỏ : « *quần ô tiểu thắng* thành ra nhà vua không biết đến công lao khó nhọc của quan võ.

Mãi đến tháng giêng đầu niên hiệu Thành thái Kỷ-sửu (1889) ông quản Nguyễn-đình-Viễn mới được triều đình xét rõ công lao mà cất lên làm tai hành lãnh binh để tùy tòng quan trên để đánh giặc Đông-Bắc.

TIÊN ĐÀM

TIỂU - THUYẾT LỊCH - SỬ

BÀ QUẬN MỸ

CHU-THIÊN viết

SỐ 15

GIỮA vòng các tướng có người thưa :

— Bẩm lệnh bà, lệnh-bà dòng-dõi tướng-môn, từ thủa bé đã quen chinh-chiến, binh-thư binh-pháp tinh-thông trước kia đã luôn luôn ở ngoài mặt trận với Nguyễn tướng-công, về sau lại cùng chủ-tướng con xông-pha chốn sa-trường, tham mưu nơi màn tướng thì mưu lược, chế biến, lệnh bà còn có thiếu gì ! Vậy xin lệnh bà cứ cắt đặt chúng con xin nhất luật tuân hành.

— Không, tôi thiết tưởng nhiều người bàn vào mới nảy ra chiến-lược hay.

— Bẩm, không ạ, chúng con chỉ quen tuân hành và không quen nghị sự.

— Đã thế, nhưng những chỗ sai-lầm vụng-về của tôi, các ông nhận thấy xin cứ trung cáo ngay cho nhé !

— Bẩm vâng !

— Và, trong quân kỷ-luật phải nghiêm-minh : quân phải theo lệnh tướng, tướng phải theo lệnh chủ-soái, nếu hơi trái, lập tức chém ngay !

— Bẩm vâng !

— Chúng ta cùng nhằm một cái đích cùng theo một chí báo thù vậy trên dưới phải đồng tâm, phải hiểu nhau, phải nghe nhau, phải biết tuân thượng lệnh, tôi tin thế nào cũng được hả lòng. Gò xanh không phụ những người vì nghĩa !

— Dạ !

— Và bây giờ tôi cắt định công-việc của các ông ngày mai.

— Dạ !

Rồi Bạch-y-nương cắt đặt từng người một theo cái ý định của nàng đã sẵn trong óc từ trước và ân-cần dặn dò khuyến mễn các tướng nhất tâm thi hành cho đúng mạnh-lệnh của nàng.

●

Ngày hôm sau, đội chiến thuyền tiên phong tiến lên sông Nguyệt-Quyết qua Kẽm-Trống đến đóng ở Bồng-Lạng để đón quân Phan Ngạn. Bạch-y-nương cho làm ít người rơm ăn mặc quần áo đàn bà để lên trên năm chiếc thuyền ván lớn dương buồn và kéo cờ phất phới đứng đợi ở đấy. Những thuyền ấy có giây buộc với các thuyền sau.

Quả nhiên vừa sáng sớm, Phan Ngạn vì tức giận những lời trong thơ khiêu khích của Bạch-y-Nương và, hơn nữa, muốn cướp sống ngay được nàng, nên đã thân dẫn quân tiên phong thẳng tiến, qua sông Châu-cầu xuống đánh quân sĩ của Bạch-y-Nương được tin báo giặc sắp đến liền giàn năm chiếc thuyền hình nhân ra giữa sông thành hàng chữ nhất. Quân Phan-Ngạn tiến gần. Đằng này khua chiêng trống lừ lừ tiến. Bên địch dương cung bắn một lượt. Đội tiên phong, bên này không nhúc nhích không bắn lại. Một lượt bắn nữa. Đổ vài lá cờ. Một cái thuyền đâm. Rồi những thuyền kia kéo nhau chạy rất nhanh.

Thấy quân địch thua chạy bên Phan-Ngạn vừa đuổi vừa bắn Chạy qua Kẽm-Trống thì quân phục ở hai bên ùa ra bắn. Phan Ngạn truyền quân-sĩ đáp lại. Một lúc thấy bên kia im và người cũng biến đâu mất. Phan-Ngạn khấp khởi mừng thầm tin là quân kia sợ hãi chạy trốn liền thúc quân tiến gấp. Nhưng đội chiến thuyền kia đã chạy xa. Phan Ngạn cho quân cố đuổi qua sông Thanh-Quyết, vào sông Hoàng-giang Tức thì từ phía quân phục đổ ra ở trên bờ bắn xuống. Bạch-y-nương thân đem chiến thuyền ra giữa sông nghinh địch. Cuộc đánh nhau rất gay go. Quân Phan-Ngạn bị hãm vào tử-địa. Hậu quân bị ngăn lại ở Kẽm-Trống không tiến được. Bạch y nương một tay cầm cung rinh bắn Phan-Ngạn, một tay phất cờ khuyến khích quân sĩ ; ai nấy đều nức lòng cố đánh. Phan-Ngạn liều chết cho thuyền tả sung hữu đột để tìm đường thoát thân. Nhưng không tài nào lần được, bị một tên đạn trúng đầu ngã lăn xuống sông chết ngay, Tàn quân rối loạn, kẻ chạy thoát được không kể, còn đều xin hàng cả.

Bạch-y-Nương ra lệnh khua chiêng thu quân về, và sai đi vớt sác Phan Ngạn. Các thuyền bỏ đi tìm hồi lâu, đến mãi cửa sông Giản-khẩu mới thấy và lôi lên thuyền đem về trình Bạch-y-nương.

Chiều hôm ấy, nàng cho giết trâu bò khao quân sĩ. Các tướng đều tỏ vẻ vui mừng đã báo thù cho chủ tướng, và càng thêm thán phục Bạch-y-Nương mưu trí dị thường đã bầy kế lừa được Phan-Ngạn. Người ta bàn tán rất nhiều về cái mưu kế ấy. Nhân đó, có người hỏi nàng rằng :

— Thưa lệnh bà lệnh bà có tin Phan-Ngạn đến đánh và mắc mưu không ?

Nàng tức cười giả nhời :

— Tôi tin lắm chứ !

— Vì lẽ gì mà lệnh bà cả tin vậy ! Ngộ Phan-Ngạn không đến, hoặc đến mà không mắc mưu, hay hắn không đến lối sông Châu-Giang mà đi lối cửa Đại-An vào thì làm thế nào ?

Nàng lại càng vui vẻ tự-hào đáp :

— Thế là các ông chỉ nhận về địa-thế mà không xét về lòng người. Tôi tin Phan-Ngạn thế nào cũng đến. Một là vì hắn là một tay tướng trẻ đương hăng hái tự kiêu ; và từ trước đến giờ hắn chưa bị

thua mấy khi, nên rất dễ tức tối vì lời khiêu-khích của ta yết thị phao truyền từ hôm qua. Hai nữa vì một lẽ khác muốn gặp tôi, nên hắn cần phải đến. Hắn đã đến tất phải đi ối sông Châu-cầu vừa gần hơn vừa xa hậu quân ta hơn. Vì nếu hắn đi lối Đại-An vào cửa Gan-khẩu, tất gặp ngay toàn đội quân ta, sự công phá có phần khó khăn, kẻ làm tướng giỏi không bao giờ dại dột mà đi như vậy.

Nay ta đã biết hắn thế nào cũng đến mà đến thì tất do lối sông Châu rồi, vậy có sao hắn lại mắc mưu? Tôi xin giảng để các ông nghe rõ: Phan Ngạn là một người hiếu thắng, hắn vừa đến thấy một toán quân ta tuyền là con gái thì tưởng có tôi ở đấy nên ra lệnh bắn ngay. Hai quân vừa giao chiến, bên ta đã bỏ chạy, hắn cho ta là nhut nhát, nên ra sức đuổi Đến Kẽm-Trống, quân phục của ta chỉ bắn sơ một lượt rồi chạy trốn cả, lại làm tăng thêm chí kiêu cang của hắn lên. Ta làm cho hắn lết tên và lọt hắn vào tử-địa thì làm gì mà hắn chả chết! Chung quy, hắn bị ta bắn chết là vì hắn tự kiêu-ngạo quá, hắn chỉ ham hở muốn bắt sống ngay được tôi!

Nàng nói xong, các tướng tỏ lời khâm phục tài xét-đoán của nàng. Một viên tướng trẻ nhất trong bọn đứng lên xin phép hỏi:

— Xin lệnh bà tha tội, con hỏi khi đường đột, lúc nãy lệnh bà vừa nói Phan-Ngạn vì *một lẽ khác* hắn muốn gặp lệnh-bà ngay, vậy *cái lẽ khác* ấy là lẽ gì, xin lệnh-bà rộng lượng cho chúng con được biết thì hay lắm. Vì nếu không có *cái lẽ khác* ấy mà gặp cái lúc tương tự như thế này, liệu chúng con ở vào địa vị được cầm quân, thì có thể cứ làm theo kế hoạch của lệnh bà được không?

Bạch-y nương buồn rầu nói:

— Về những kế hoạch trong việc cầm quân thì ít khi bắt chước được. Cái tài xét đoán, chế biến là ở người tướng, chứ không thể phỏng theo bắt cứ một kế thuật nào. Nhưng các ông muốn biết, tôi cũng không giấu làm gì. Và đã nhiều lần tôi muốn nói rõ với các anh em đây, nhưng nói ra luống những đau lòng, nên ngập ngừng lại thôi. Lần này nhân ông đã hỏi, tôi còn nỡ nào giấu nữa. *Cái lẽ khác* ấy rất thường. Nó là Phan-Ngạn mê sắc tôi mà cần đến gặp tôi. Ấy cũng tại mê tôi mà hắn đang tâm giết phu-quân tôi! Vậy là vì tôi mà phu-quân tôi thiệt mạng! Cái số tôi thật là tai hại! Tôi đã làm phu-quân tôi phải gặp bao nỗi truân chiên! Các ông đã biết chúng tôi đang ở Mạc phải bỏ về Lê chứ gì? Nguyên nhân ra sao phu-quân tôi bấy giờ đã nói rõ rồi. Nhưng cái nguyên nhân chính thì cũng tại tôi. Hồi ấy, Mạc Mậu-Hợp chực giết chồng tôi để chiếm lấy tôi, sau khi bắt ép tôi không được. Chúng tôi bất đắc dĩ phải bỏ về Lê. Cho đến bây giờ Phan-Ngạn lại cũng có ý thế. Chúng tôi không ngờ, nên mới đến nỗi này! Thật thân tôi đã làm hại phu-quân tôi! Cho nên tôi cần phải báo thù. Nay thù kia đã giả rồi, Các ông đã trọn bổn-phận đối với chủ-tướng. Các ông thật là những người đáng khen phục nhất đời, được Giời Phật giúp đỡ cho mọi sự may mắn! Còn tôi tuy thù chồng đã báo, nhưng cái nghĩa thời chửa đền cho trọn, nên mai đây tôi sẽ theo phu-quân tôi. Tôi xin thành thật cảm tạ các ông và có mấy nhời tâm huyết cuối cùng khuyên các ông: các ông đều có gia-đình vợ con, hưởng thụ còn nhiều, vậy sau ngày hôm nay, các ông nên theo về giúp vua Lê mà giữ lấy danh-mạnh một đời!

Trong tướng có người nói:

— Bẩm lệnh-bà, chúng con bổn phận cảm-kích về những nhời lệnh-bà vừa dậy. Nhưng chúng con xin phép lệnh-bà được trình thưa đôi điều: Nay chủ-tướng chúng con chẳng may đã thiệt phận trận tiền, lệnh-bà đã báo thù được oanh-liệt, tiếng tăm lệnh-bà còn ghi để nghìn thu, ai cũng phải kính phục? Như thế là danh nghĩa vẹn toàn, cần gì mà phải cố chấp? Vả, còn hai lệnh công-tử tuổi hãy trẻ dại, lệnh-bà nên vui lòng gượng sầu làm vui để chỉ bảo hai lệnh công-tử, và làm trụ đốc xuất chúng con, chúng con xin cam kết ở dưới cột cờ hầu hạ lệnh-bà mãi mãi.

(Kỳ sau đăng trọn)

AI MUỐN BIẾT RÕ

Tiếng Việt-Nam có mẹo mực, rất tinh tường, ai muốn biết rõ, thì xem sách: VIỆT-NAM VĂN-PHẠM của ông Trần-trọng-Kim (1).

Muốn biết rõ cách thờ cúng chư Phật và chư Bồ-tát, cùng cách bày đặt các tượng ở các chùa xứ Bắc-kỳ, nên đọc quyển PHẬT-LỤC của ông Trần-trọng-Kim Giá 0p 80.

Bán ở nhà in «Du Nord» 133 phố Hàng-bông Hanoi và các nhà bán sách.

(1) Bản dịch ra chữ Pháp 3p.50 — Bản quốc-âm 2p 50.

Đức Trần-Hưng-Đạo, một tay cái-thế anh-hùng, sẽ sống lại với chúng ta trong một số đặc-sản của báo TRI-TÂN.

Đã là gia-đình Việt-Nam, nhà nào cũng nên có để được biết những trang lịch-sử vẻ-vang của nước nhà.

Còn một kỳ nữa, hết «*BẢ-QUÂN-MỸ*» Tri-Tân sẽ đăng tiếp một tập tiểu-thuyết mới rất ly-kỳ, rất linh-động, đủ cả tình, hiếu, tiết, nghĩa, với bao cảnh éo le, bao nỗi vui, buồn, khiến cho người đã đọc phải say-sưa đọc mãi và đôi phen hồi hộp cảm, thương, mến, tiếc...

Các bạn nhớ đón coi...

Cần phải truyền-bá khoa-học...

Tiếp theo trang 2

Như trên đã nói, học khoa-học bằng sách tây, « ơn riêng » ấy chỉ những người nào may-mắn mới được hưởng. Còn đối với đại đa số, khoa-học vẫn là nơi cấm-địa mà họ không được « bén mảng » bao giờ !

Việc cần nhất bây giờ : ta phải có các sách khoa-học bằng quốc-văn từ sơ-đẳng cho đến cao-cấp, từ phổ-thông cho tới chuyên-khoa. Nếu ta nay không bảo nhau bắt tay làm dần thì còn đợi đến bao giờ nữa ?

Chậm tiến như Trung-Hoa, thế mà về mặt văn-hóa, họ cũng hơn ta nhiều lắm. Các sách về các khoa-học, không thứ nào họ không có sách bằng bản-văn hoặc dịch, hoặc viết. Chứng-cớ ấy ta thấy sờ-sờ ngay trên những *trang « Đồ-thư mục-lục » của* các nhà xuất-bản lớn bên Tàu, nhất là của nhà *Thương-vụ ấn-thư quán*.

Việt-ngữ của ta nay đã phong-phú rồi, và tôi tin, theo thời-gian, nó sẽ lại càng tiến, càng giàu hơn nữa. Vậy, ta sao lại chịu kém người tàu mà thiếu sách khoa-học bằng quốc-văn ?

◆

Nhưng, công việc làm sách ấy, trông vào những ai bây giờ ? Tất nhiên phải trông vào những nhà tân-học uyên-thâm, những tay chuyên-môn trong các nhánh khoa-học.

Nếu các ngài chịu để mắt đến tương-lai của quốc-gia, tất phải vui-vẻ, mạnh-bạo gánh lấy trọng-trách « tiên-tri giác hậu tri » ấy.

Ngay từ giờ trở đi, cứ mỗi một nhánh khoa-học, lại có một nhóm những nhà chuyên-môn đứng lên, lấy quốc-văn làm lợi-khí, hoặc làm hoặc dịch các sách khoa-học. Kẻ góp công, người góp của, đông mây, tây sao, thì trong năm năm trời, cái kho sách khoa-học việt-nam quyết có thể phong-phú được.

Nhược bằng không ai chịu hi-sinh, cứ đổ tại tiếng nam chưa đủ, đổ tại sách khó tiêu-thụ, đổ tại thiếu người, thiếu tiền, thì tôi tưởng, dù nghìn năm nữa, vấn-đề này cũng không giải-quyết nổi !

HOA-BẰNG

Góp vui

Chết vì miếng xương !

TRƯỜNG-Giang tiên-sinh, một hôm, lê gậy trúc, đến chơi nhà Thường-nhân-Tử, đẩy cửa ngõ vào qua sân, lên tiếng không thấy ai thưa. Trông vào trong nhà, qua bức mành treo ngoài hiên, thấy Thường-nhân-tử hình như thiu-thiu ngủ. Trường-giang tiên-sinh nói : « Việc thiên-hạ đang như tơ rối! Nước Vũ-hồn đánh nước Tiêu-liêu. Nước Xương-giang giúp nước Vũ-hồn. Nước Bạch-my phản nước Tiêu liêu. Ấy, thiên-hạ đang loạn như thế mà tiên-sinh ngồi yên, ngủ yên được ! »

Thường-nhân-tử vịn cột, lom-khom đứng dậy nói : « Không, đệ có ngủ đâu ! Đệ buồn vì việc một con chó què, và một con chó chết. Nguyên hôm qua, chuyết-nội đi chợ về có mua được vài món bất thời, đệ cao hứng uống mấy chén rượu. Con Bông, con Vện ngồi dưới đất. Hai con xưa nay vẫn tỏ vẻ quyến-luyến nhau, không cắn nhau. Đệ vứt cho cái xương, con Bông đứng dậy đớp lấy. Con Vện bỗng chồm lên tranh, nhe bộ ràng nanh gừ gừ mấy tiếng. Đệ chưa kịp gọi người ra đuổi, thì Vện đã cắn què một chân Bông rồi, Vện ăn xong, đắc chí, nằm dài ra, hai chân trước ruỗi thẳng, đầu ép xuống đất, thuỳnh-thoảng ve-vẩy cái đuôi.

« Đệ đang bàn khoăn về thái-trạng hai con chó thì bỗng thấy Vện ngửng đầu lên đánh hơi, rồi đứng dậy đi ra phía ngõ. Đệ nhìn theo, thấy một con chó cái nhà ai đi qua. Chung quanh, một đàn chó đực : con thì sun soe chạy đi trước, con thì dài mõm, lê đuôi, đánh hơi theo sau. Con thì loanh-quanh thuỳnh-thoảng đụng vào con chó cái, rồi vùng chạy xa ra ; vài con khác đuổi theo. Con Vện đương ở trong sân, vừa sủa, vừa nhảy xổ ra. Cả đàn chó cùng ùa lại, sủa vang lên, rồi cắn nhau. Đệ trông hoa mắt ! Một lúc sau, thấy Vện nằm rẫy dưới đất, tiếng kêu àng-ẳng dần dần bé đi.

« Mấy con chó kia chốc chốc lại cắn cho một miếng rồi mới đi !

« Thế cho nên, từ hôm qua, đệ buồn ».

Trường-giang tiên-sinh nghe xong, cũng ngậm ngùi nói : « Đệ bản tâm hôm nay sang chơi, định nói chuyện thiên-hạ để tiên sinh nghe, nhưng bây giờ có nói nữa cũng là chuyện thừa ! »

Thường-nhân-tử thở dài ngâm mấy câu :

Bông, Vện cùng nhà vốn yêu-đương,
Bỗng đánh nhau què, vì miếng xương !

Vện ăn rồi chưa biết đủ,
Chưa biết đủ đi lang-thang,
Đi lang thang gặp con chó cái,
Chó đực : con theo, con chặn đường !

Vện xông ra tranh, bị cắn chết.
Con què, con chết, lòng ta thương !

SƠN-MAI

Lần này chắc đến lượt ngài trúng số độc đắc

NGÀI NÊN MUA 1 VÉ

SỐ ĐÔNG-PHÁP

TỔNG PHÁT HÀNH

RƯỢU CHỒI BẮC-KỲ

Các bà sinh nở dùng rượu chồi Bắc-kỳ, trừ được các chứng sản hậu, tê thấp v. v *Tốt và rẻ tiền.*

ĐÔNG-DƯƠNG THƯƠNG-CỤC

Tổng đại biểu

Kỹ nghệ sản phẩm nội hóa

155, Rue du Coton — Hanoi

KHẮP CÕI ĐÔNG-PHÁP

Chỉ máy Sư tử

Đủ các mùi. Bền, rẻ

và các hàng tơ lụa, vải vóc, các thứ đồ sừng, mây, cói v. v.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn chỉ uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10, 5 phút ra mồ hôi khỏi hẳn.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sích bệch đái hạ) uống đủ các thứ thuốc không khỏi, chỉ dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50 đồ vào cửa mình là khỏi rứt. Trăm người chữa theo cách này khỏi cả trăm.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp) kinh đều huyết tốt ngay.

THUỐC «CAI HỒNG-KHÊ»

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), nên ai ai cũng có thể bỏ hẳn được, mỗi ngày hut một đồng bạc thuốc phiện, chỉ uống hết 0p 20 thuốc cai là đủ vẫn đi làm việc như thường. thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Giấy thép buộc ngang giời. Thuoc Hồng-Khê chữa người lẳng lơ ! Hai câu sấm này, ngày nay quả thấy ưng nghiệm, vì ai bị lậu không cứ mới hay kinh-niên uống thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p 60 cũng rứt nọc, ai bị bệnh giang mai không cứ về thời kỳ thứ mấy, mới hay đã nhập cốt rồi, uống thuốc giang mai số 14 cũng khỏi rứt nọc một cách êm đềm không hại sinh dục, nên khắp nơi đâu đâu cũng biết tiếng.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : 75 Phố Hàng Bồ. *Chi nhánh* 88 Phố Huế. Hanoi và đại-lý các nơi.

Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh.

Imp. spéciale du Tri Tân — Administrateur-gérant: Dương-Tự-Quán